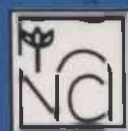




CHUYỆN KỂ về **BÁC HỒ**



Nhà xuất bản Nghệ An



CHUYỆN KỂ VỀ BÁC HỒ

Chuyện kể
về **BÁC HỒ**

TẬP 4
THÁI KIM ĐỈNH
(Sưu tầm và biên soạn)

NHÀ XUẤT BẢN NGHỆ AN

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Hưởng ứng cuộc vận động của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam “Sống, làm việc theo tấm gương đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh”, Nhà xuất bản Nghệ An cho tái bản bộ sách “Chuyện kể về Bác Hồ”.

Nhà nghiên cứu Thái Kim Định và một số tác giả khác đã sưu tầm những câu chuyện kể về Chủ tịch Hồ Chí Minh bắt đầu từ khi Người ra đi tìm đường cứu nước cho đến tận thời điểm Người ra đi đến với “Mác, Lênin thế giới người hiền” (chữ dùng của Tô Hữu). Mỗi câu chuyện kể là một nét khắc họa chân dung vị lãnh tụ vừa vĩ đại thanh cao vừa dung dị gần gũi “là Cha là Bác là Anh - (Tô Hữu)” thân thương của dân tộc Việt Nam. Thông qua những hồi ức, những kỉ niệm của những người đã từng có thời gian cùng làm việc hoặc được gặp gỡ Bác, chúng ta càng hiểu sâu thêm, càng kính trọng hơn một nhân cách lớn của dân tộc và của thời đại.

Các câu chuyện không chỉ thể hiện tình cảm yêu mến của nhân dân ta dành cho vị lãnh tụ dân tộc mà trong đó còn chứa đựng những bài học lớn về Con Người với chữ viết hoa và tư tưởng Hồ Chí Minh,



*những phác hoạ quy tụ để tạo nên vóc dáng của
Người Anh Hùng Dân Tộc và Danh Nhân Văn Hoá.*

*Tuy nhiên, dù rất cố gắng, các tác giả vẫn
không thể vẽ nên một chân dung Hồ Chí Minh trọn
vẹn, Nhà xuất bản mong bạn đọc xa gần góp ý bổ
sung, nhất là những tư liệu mới, để cuốn sách viết
về Bác Hồ kính yêu ngày càng thêm phong phú hơn.*

*Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc bộ
sách này.*

NHÀ XUẤT BẢN NGHỆ AN



Ba tiếng Hồ Chí Minh

đã trở thành như một truyền thuyết

PHRÊDRIC EBE (Đức)

Con người mảnh khảnh

Với chòm râu dài từ trong rừng bước ra,

gậy cầm tay,

Áo vắt vai, không phải ai khác

Mà chính là cụ Hồ Chí Minh truyền thuyết.

U. BOCSÉT (Úc)



TUYỆT TRÍ BÁC HỒ

Trên tờ *Nhân đạo*, Cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản Pháp, số 20-1-1922, đăng tải truyện ngắn viễn tưởng “Con người biết mùi hun khói” của tác giả Nguyễn Ái Quốc. Ở truyện ngắn này có hai điểm cần lưu ý:

Một là, hình tượng cụ Kimemgô, mệnh danh “con người biết mùi hun khói”, một người duy nhất còn sống sót trong số hơn 200 người da đen bị thực dân Pháp hun khói giết chết trong hang Tuần Nan. Kimemgô là hiện thân của giấc mơ, của sự thiện cảm về khuôn mẫu lãnh tụ của Cách mạng vô sản. Kết luận được như vậy, vì tác giả Nguyễn Ái Quốc đã miêu tả:

“Cụ Kimemgô tuổi đã chín mươi, là một cựu chiến sĩ của quân đội Cách mạng, một trong những người sáng lập Cộng hoà da đen. Được phú bẩm một trí thông minh sắc sảo, lại am hiểu tường tận mọi sự kiện chính trị xã hội của thời đại, cụ Kimemgô không những đã ra sức thức tỉnh anh em cùng màu da ra khỏi giấc ngủ mê say của người nô lệ, mà còn cố gắng phá tan mọi thành kiến dân tộc và chủng tộc, tập hợp những người bị bóc lột thuộc các màu da trong



cuộc đấu tranh chang, cụ đã thành công. Kimemgô là một trong số hiếm hoi những người đã chịu gian khổ lớn để gieo hạt và được hưởng hạnh phúc lớn gặt hái vụ mùa thắng lợi. Mái tóc cụ bạc phơ như tuyết, khuôn mặt rục rở, bờ mắt màu mun. Đôi mắt cụ hiền dịu và sâu thẳm. Miệng cụ luôn tươi cười, dù trước những nguy nan nghiêm trọng nhất hay trong những giờ phút đen tối nhất. Từ toàn bộ con người cụ toát ra nhân từ và cao quý. Cụ đáng tôn kính và được tôn kính”.

Hai là, những con số chỉ thời gian.

Truyện viết năm 1922, nhưng nội dung ghi lại thời điểm 1998 - lúc kỷ niệm lần thứ 50 ngày thành lập Cộng hoà liên hiệp Phi - Nếu làm một phép tính trừ: 1998 - 1950 sẽ thấy năm thành lập Cộng hoà liên hiệp Phi là 1948, 1948 so với 1945, chênh nhau ba năm, không đáng kể.

Phải chăng, từ 1922, Bác đã mừng tượng năm 1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời? Năm mươi năm trôi qua nhưng chúng ta như đã được thấy trước, từ 1922? Ôi, sự kỳ diệu của trí tuệ Bác Hồ!

Lê-nin nói: Những ai dự kiến được tương lai mọi lịch sử sẽ trải qua và trong quá trình đó tìm được đường lối đúng thì họ có khả năng làm nên lịch sử.

Bác của chúng ta đã là con người như thế. Con người như thế nhưng không là thánh mà rất đời thực.



Sự tôn tri Cách mạng ở Bác là biểu hiện của tính khoa học rất mác-xít. Nghĩa là Bác dự đoán tương lai không trên bàn giấy mà trên cơ sở nghiên cứu sâu được kiểm tra và luôn dựa vào quy luật, dựa vào tính khách quan và sự kiện. Bác không kinh viện chủ nghĩa, không giáo điều chủ nghĩa. Trực cảm cách mạng của Bác thường mang tính xác thực lịch sử.

Báo Thừa Thiên - Huế

CÁI THUỎ BAN ĐẦU DÂN QUỐC ẤY

Trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Hồ Chủ tịch đã nêu ra chủ trương nên sớm bầu Quốc hội để nhà nước ta có một thiết chế dân chủ. Đối với nhân dân trong nước, cũng như với dư luận quốc tế, điều này rất quan trọng. Nên bầu Quốc hội sớm, nhưng chọn ngày nào? Sau mấy hôm thì có quyết định chọn ngày 6-1-1946 làm ngày bầu cử Quốc hội. Anh Văn (tức là đồng chí Võ Nguyên Giáp) nói với tôi: “Cậu có biết tại sao chọn ngày 6-1 không?”. Tôi nói không biết thì anh Văn nói rõ: “Đó là ngày thành lập Đảng Cộng sản, cũng là một cách kỷ niệm”. Lúc đó chúng ta định ninh Đảng được chính thức thành lập ngày 6-1-1930; mãi sau này tra cứu tài liệu và căn cứ ký ức vài đồng chí đã tham gia thành lập Đảng, chúng ta mới điều chỉnh là ngày 3-2.

Bầu cử Quốc hội đã là một cuộc đấu tranh chính trị ở Hà Nội. Bọn Việt Cách, Việt Quốc tuyên truyền phản đối, chống chủ trương bầu Quốc hội, chúng gọi loa (ở phố Hàng Bún nơi bọn Việt Nam Cách mạng đồng minh hội của Nguyễn Hải Thần đóng “bản doanh”) và viết báo (báo *Việt Nam* của nhóm “Quốc

dân đảng” của Vũ Hồng Khanh, Nguyễn Tường Tam) rêu rao rằng “bầu Quốc hội là một âm mưu của Việt Minh để giành quyền thống trị”. Chúng còn tổ chức biểu tình chống bầu cử, nhưng thất bại. Cụ thể là: Một buổi sáng, chúng kéo một lũ ba bốn chục đứa đi dọc bờ hồ Hoàn Kiếm hô khẩu hiệu “Chống âm mưu bầu cử Quốc hội, đả đảo Việt Minh!”, nhưng người qua đường không ai hô theo. Liền lúc ấy, nhà thơ Xuân Diệu đi qua đó. Anh vừa dắt xe đạp, vừa hô to: “Bà con ơi! Chúng chống bầu cử Quốc hội thì ta chống lại chúng, chống lại chúng!”. Rồi lập tức anh tập hợp được hàng trăm người khí thế bừng bừng đả đảo chúng. Chúng phải giải tán, nhưng có mấy thằng rượt đuổi theo anh Xuân Diệu để bắt cóc anh. May anh bỏ xe đạp chạy kịp vào một nhà ở gần phố Đinh Tiên Hoàng hiện nay và được đồng bào bảo vệ. Đến trưa có người dắt xe đạp đến giao lại cho anh (vì xe đạp hồi ấy có bảng ghi tên đằng sau). Bọn Việt Cách, Việt Quốc còn kêu gọi công nhân tổng đình công, nhưng cũng thất bại. Anh Xuân Diệu lại viết bài thơ hài hước “Tổng bất đình công” chế giễu chúng nó, đăng ở báo *Sự thật*. Rồi bọn chúng nó phải xẹp, không dám ngo ngoe gì nữa, vì khí thế rất mạnh của đồng bào ủng hộ Chính phủ lâm thời, nhất nhất nghe theo lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch bầu cử Quốc hội.

Hồi đó, tôi là Bộ trưởng Canh nông kiêm thanh tra đặc biệt của Chính phủ (cùng cụ Bùi Bằng Đoàn). Tôi được đoàn thể giới thiệu ứng cử ở tỉnh Hà Đông

cùng cụ Bùi Bằng Đoàn và anh Xuân Thuỷ (lúc đó Chủ nhiệm báo *Cứu quốc*). Chúng tôi được tổ chức vận động bầu cử, đi về các huyện Thanh Oai, Ước Lễ, Chương Mỹ, Hoài Đức. Đi đến đâu, chúng tôi cũng gặp đồng bào tụ tập rất đông, cờ đỏ sao vàng rực rỡ. Đồng bào bận áo quần như ngày Tết, thỉn thoảng hô: “Hoan nghênh đại biểu ứng cử Quốc hội Việt Nam dân chủ cộng hoà muôn năm!”. Có những cụ già miệng hô và rơm rớm nước mắt. Cùng đi vận động ứng cử với chúng tôi có chị Hán và chị Trương Thị Mỹ (sau này trong ban lãnh đạo Tổng Liên đoàn An ninh đi với nhau chuyện trò ríu rít với đồng bào cử tri như tình nhà, sao mà thân thiết đến thế. Thật đúng, cách mạng là ngày hội của quần chúng. Gần đây tôi gặp một vài đồng chí cán bộ tuổi đã sáu bảy mươi kể lại lúc đó còn là thiếu niên, các đồng chí đã tham gia cổ động cho bầu cử như thế nào, đã ủng hộ nhà thơ Huy Cận như thế nào! Các ứng cử viên lúc đó được in áp phích vận động. Tôi được báo *Cứu quốc* in cho hai loại áp phích to, nhỏ, giấy màu xanh, màu vàng và những dòng chữ: “Hỡi đồng bào nhà nông muốn nghề nông phát triển, hãy bầu cho ông Cù Huy Cận, Bộ trưởng Bộ Canh nông!”. Ở phần dưới tờ áp phích còn in dòng giới thiệu: “Ông Cù Huy Cận, kỹ sư nông nghiệp. Bộ trưởng Bộ Canh nông, tức là nhà thơ Huy Cận giảng thuyết sư ở Trường Đại học Văn khoa”. Không khí thật là náo nức. Kết quả bầu cử ở Hà Đông: Tôi trúng cử với số phiếu cao nhất, rồi đến

cụ Bùi Bằng Đoàn, thứ ba là anh Xuân Thuỷ, tiếp đến là anh Trần Hiệu (Chủ tịch Ủy ban nhân dân Hà Đông lúc đó).

Ngày bầu cử (6-1-1946) tôi được đi theo Hồ Chủ tịch đến một số phòng bỏ phiếu - Bác đến Ngõ Huyện gần nhà thờ Lớn, đồng bào nhận ra Bác, hoan hô, có cụ già còn làm dấu thánh giá trên ngực áo chào Bác tỏ lòng kính trọng. Bác nói mấy lời hoan nghênh đồng bào đi bỏ phiếu đông “để lập quốc dựng nước”. Bác còn đi ra ngoại thành chứng kiến cử tri bỏ phiếu. Bác đến, không báo trước, nhưng đồng bào vẫn mau chóng nhận ra Hồ Chủ tịch. Bác giơ tay ra hiệu dừng hoan hô, rồi Bác nói gọn vài câu về ý nghĩa to lớn của việc bỏ phiếu bầu Quốc hội. Tôi nhớ hình như Bác có nói “lá phiếu dựng nước”.

Cả thành phố Hà Nội hôm đó tung bừng, náo nức mà thân tình, đầm ấm tình dân nước, nghĩa đồng bào - Anh Xuân Diệu lại sáng tác kịp thời “Hội nghị non sông”, một tráng ca để chào mừng Quốc hội đầu tiên, cũng như anh đã viết tráng ca “Ngọn quốc kỳ” để ca ngợi Cách mạng ngay những ngày tháng Tám (1945).

Niềm vui ở Hà Nội không che lấp nỗi lo âu đối với Nam Bộ lúc đó đã bước vào kháng chiến chống thực dân Pháp được hơn ba tháng. Chính phủ chủ trương bầu Quốc hội trong cả nước, đã phân bổ mỗi tỉnh được bầu bao nhiêu đại biểu. Ở Nam Bộ bầu ra sao? Ở Nam Bộ điện ra cho biết: Ở Sài Gòn đã tạm bị chiếm thì cán bộ nằm vùng của ta đi lấy phiếu từng nhà với

động tác bí mật cần thiết và như vậy vẫn bầu đủ số đại biểu của Sài Gòn - Gia Định. Còn các tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long thì nhiều nơi hòm phiếu để trên ghe thuyền chèo đi các sông rạch, đi sâu vào các vùng hẻo lánh nữa để cho đồng bào vẫn bỏ phiếu đông đủ. Cuộc bầu cử Quốc hội ở Nam Bộ lúc đó đã là một vận động chính trị lớn, một sự cổ vũ lớn đối với cuộc kháng chiến của “Thành đồng Tổ quốc đi trước về sau”.

Nhà thơ Thế Lữ có hai câu thơ: “Cái thưở ban đầu lưu luyến ấy - Nghìn năm chưa dễ đã ai quên”. Anh Xuân Diệu sau này viết bài về kỷ niệm Cách mạng tháng Tám và Quốc hội đầu tiên mượn câu thơ trên, chỉ thay 2 chữ:

*“Cái thưở ban đầu dân quốc ấy
Nghìn năm chưa dễ đã ai quên”.*

HUY CẬN

VÌ SAO BÁC HỒ ĐẶT TÊN QUẢNG TRƯỜNG BA ĐÌNH

Ngày 31-8-1945, Bác Hồ đã chọn 2 chữ *Ba Đình*, đặt tên cho vị trí làm lễ Tuyên ngôn độc lập ở Thủ đô Hà Nội: Quảng trường Ba Đình.

Ba Đình là tên gọi một cụm 6 đảo, hồi đầu thế kỷ 19 là 4 thôn của 3 xã ở 2 tổng, nằm giữa một bãi lầy quanh năm ngập nước, thuộc huyện Nga Sơn ở Đông Bắc tỉnh Thanh Hoá.

Từ cuối tháng 11 đầu tháng 12-1886 đến sáng ngày 21-1-1887, ở đây đã diễn ra một trận chiến giữa quân đội của triều đình Hàm Nghi thiên đô chống Pháp với quân đội xâm lược thực dân Pháp và tay sai.

Địch đã tập trung về Ba Đình một quân lực lớn chưa từng có, so với tất cả các chiến dịch của địch trên đất nước Đại Nam dưới Đệ tam cộng hoà Pháp.

Đối với địch, trận chiến tại Ba Đình là một cuộc chiến nghiêm trọng nhất, thu hút nhiều quân lực nhất, thời gian công hãm dài ngày nhất, làm cho cấp lãnh đạo của địch lo ngại nhất, và cũng làm cho địch phải đánh giá tâm dũng và trí tài của ta cao nhất.



Đối với ta, chiến thắng tại Ba Đình của Triều quân là cái mốc cụ thể đầu tiên ghi nhận khả năng dùng tâm dũng, trí tài của một dân tộc phong kiến nông nghiệp lạc hậu, bị xâm lược có thể đánh thắng một kẻ xâm lược hùng mạnh có nền công nghiệp hiện đại phương Tây.

Từ lúc còn nhỏ, cuối những năm 20, tôi đã được học thuộc lòng bài vè: Chi chi chành chành, cái đánh thổi lửa, con ngựa chết trương... Ba Đình chập lại...

Hai chữ Ba Đình đã nhập tâm tôi một cách vô thức từ hồi ấy.

Đến thời niên thiếu, giữa những năm 1930, trong khi hầu điều đóm, chè nước để các cụ xưa đàm đạo, hồi tưởng, tôi thích thú được nghe trộm câu chuyện trận bầy Ba Đình của các cụ. Dần dần, trong tâm trí non trẻ của tôi, chiến thắng Ba Đình của ta là một chiến công thần thoại.

Thế rồi, ngày 19-8-1945. Cách mạng tháng Tám thắng lợi.

Ngày 31-8-1945, Bác Hồ lấy Ba Đình đặt tên cho Quảng trường, nơi Tuyên ngôn Độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Quảng trường Ba Đình ở Thủ đô Hà Nội mang ý nghĩa như chiến thắng của Khải Hoàn Môn ở Thủ đô Pari và của Quảng trường Trafalgar ở Thủ đô Lon-don.

Chiến thắng của Napoléon là chiến thắng của kẻ mạnh đối với kẻ yếu. Chiến thắng của Nelson là chiến thắng giữa 2 địch thủ sức tài tương đương. Còn chiến thắng Ba Đình của ta là chiến thắng của một dân tộc nhỏ yếu bị xâm lược có truyền thống yêu nước chống lại một kẻ thù hùng mạnh hiện đại đi xâm lược.

TRẦN XUÂN THẢO

NHU GIỮ ĐỒNG BẠC TRẮNG

Ông Nguyễn Tiến Sự là người đầu tiên của tỉnh Tuyên Quang đón Bác Hồ về nhà mình ở.

Trở về thăm mái đình Hồng Thái, cây đa Tân Trào, tuổi trẻ Tuyên Quang đã được nghe ông kể chuyện về Bác Hồ muôn vàn kính yêu của thế hệ trẻ Việt Nam.

Như giữ đồng bạc trắng

Một bữa chị em phụ nữ bản Tân Lập (Tân Trào, Tuyên Quang) tập trung xay thóc giã gạo chuẩn bị lương thực cho cán bộ, bộ đội thì Bác đi công tác qua, dừng lại hỏi chuyện:

- Chị em có biết mình xay thóc, giã gạo thế này là để làm gì không?

Mọi người chưa hiểu, nên đưa mắt nhìn nhau. Bác nói tiếp:

- Xay thóc, giã gạo để cán bộ và bộ đội có cơm ăn đánh Tây, đuổi Nhật. Như vậy là chị em ta cũng góp phần đánh Tây, đuổi Nhật đó.

Bác lại hỏi:



- Nếu chị em ta có đồng bạc trắng thì cất giấu ở đâu cho khỏi mất?

Chị em vui vẻ trả lời Bác. Người thì nói là cho vào hòm chắc khoá lại. Người thì cho là bỏ vào túi vải luôn luôn mang ở bên mình...

Đợi mọi người nói hết. Bác kết luận:

- Ai nói cũng đúng. Cất như vậy là kín. Bây giờ ở bản ta có cán bộ, bộ đội, chúng ta cũng phải bí mật bảo vệ họ cẩn thận như giữ đồng bạc trắng. Vì nếu để lộ ra thì dễ hỏng mất việc nước.

Không ai khôn hết được đâu

Công Nguyễn Tiến Sự kể lại:

Trong thời gian ở cùng với gia đình tôi, một lần sau bữa cơm, Bác hỏi:

- Ông Chủ nhiệm Việt Minh của xã Tân Trào bao nhiêu tuổi rồi?

- Thưa Bác, tôi ba mươi tám. Tuy chưa già nhưng cũng đã yếu.

Bác liền bảo:

- Chú còn khoẻ lắm, nên đi học cho biết chữ, phải học nhiều. Học văn hoá, học kinh nghiệm công tác ở mọi người, mọi lứa tuổi để làm việc tốt hơn. Không ai khôn hết được đâu.

Lời Bác kể chuyện.

Một hôm đi công tác, giữa đường gặp mưa to.



Đường vừa dốc lại trơn nên phải thận trọng bước từng bước một. Bỗng gặp ba em bé cùng trú mưa ở cái lều bên đường. Nhìn tôi đi chậm, một em nói:

- Chà, cụ già này trời mưa, đường trơn đi không có gậy mà không sợ ngã nhỉ.

Từ bữa ấy về sau hẳn đi đường gặp mưa trơn, nhớ lời các cháu kháo nhau tôi đều tìm gậy để chống. Quả nhiên có chiếc gậy đi dễ hơn mà lại không sợ ngã.

TRỞ VỀ VỚI BÁC HỒ

Làng Ngũ Xã thuộc quận Ba Đình chuyên đúc đồng. Ngay sau Cách mạng tháng 8-1945, dân làng đúc một bức tượng Hồ Chủ tịch bằng đồng. Người cảm ơn bà con đúc tượng Người và đề nghị bà con mang tượng về đúc lại thành các thứ đồ dân dụng bằng đồng: dân ta còn rất nghèo, đồng cần được sử dụng vào những việc lợi dân, ích nước hơn.

Năm 1969, Bộ Chính trị ra Nghị quyết tổ chức bốn ngày lễ lớn của năm sau (1970): 40 năm thành lập Đảng, 80 năm ngày sinh của Hồ Chủ tịch, 100 năm ngày sinh của Lê-nin và 25 năm ngày thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Lúc này Bác đã yếu nhiều. Nghe báo cáo về nghị quyết của Bộ Chính trị, Bác góp ý kiến: “Tôi chỉ đồng ý ba phần tư nghị quyết” (tức là không đồng ý tổ chức Ngày sinh của Bác Hồ). Bác nói:

“Kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh của Lê-nin là đúng, nhưng không nên kỷ niệm ngày sinh của tôi như thế. Hiện nay giấy in sách học cho các cháu còn thiếu. Không nên in sách của tôi nhiều”.

Bác Hồ thường xuyên quan tâm đến đời sống của dân. Dân đói, Bác Hồ tổ chức toàn dân mười ngày nhịn một bữa, dành gạo cứu đói. Bác ăn cơm với các

chiến sĩ bảo vệ ở Bắc Bộ phủ. Bác cũng nhin dành gạo như mọi người. Lúc đó Bác vừa ở Tân Trào về Hà Nội, sức khoẻ rất kém sau một thời gian đau ốm, nhưng Bác không thể chiều theo mong muốn của các chiến sĩ bảo vệ dành ưu tiên, Bác không phải cắt bữa.

Cuối năm 1945, Bộ trưởng Bộ Lao động Lê Văn Hiến vào miền Nam công tác. Hồ Chủ tịch giao cho ông nhiệm vụ đến Huế tìm gặp hai bà Hoàng là vợ vua Thành Thái và vua Duy Tân chuyển lời chúc năm mới tới hai bà. Bác Hồ thay mặt Chính phủ đề nghị cấp cho mỗi bà một khoản tiền 500 đồng Đông Dương hàng tháng⁽¹⁾. Hai bà ở chùa, suốt mấy chục năm chồng bị đày biệt xứ, hai bà sống heo hút, thui thủi, chẳng ai thăm hỏi, ai cũng sợ gần hai bà sẽ bị liên lụy vì vua Thành Thái là cha và vua Duy Tân là con đều là hai Hoàng đế yêu nước, chống Pháp. Hai bà hết sức cảm động, hoàn toàn không ngờ lại được đại diện Chủ tịch Chính phủ đến thăm hỏi và trợ cấp.

Bà Thành Thái nhờ Bộ trưởng Lê Văn Hiến dâng lên Cụ Hồ Chí Minh bản tụng kinh hàng ngày, cuối bản kinh có câu “*Kính chúc Hoàng Triều vạn vạn tuế*”. Bà nói từ nay trở đi sẽ bỏ câu này và thay vào đó bằng câu: “*Kính chúc Hồ Chủ tịch vạn vạn tuế*”.

Năm 1947, Vĩnh Thụy (cựu Hoàng đế Bảo Đại)

(1) Số tiền trợ cấp 500 đồng Đông Dương vào thời điểm đó là món tiền lớn. Xin nêu một ví dụ: Theo Nghị định của Bộ trưởng Tài chính ngày 2-1-1946 trợ cấp cho Đông Phương Bác Cổ học viện một khoản tiền 500 đồng để mua sách cho Học viện cả năm 1946.

đến Hồng Kông và không về nước. Hồ Chủ tịch cử bác sĩ Phạm Ngọc Thạch mang tiền của đến Hồng Kông cấp cho Bảo Đại, hy vọng ông ta sẽ quay về với kháng chiến, về với dân.

Hồ Chủ tịch luôn tranh thủ thời gian đến cùng mọi người. Người không chịu bỏ người dân nào cho dù người đó đang đi vào con đường tội lỗi và cơ hội trở về là rất mong manh. Mọi nỗi khổ đau, cơ cực của dân dù vì bất cứ nguyên nhân gì cũng là nỗi đau của chính Hồ Chủ tịch. Bác vẫn băn khoăn, là Chủ tịch nước, Bác chưa làm giảm được nỗi đau khổ của dân. Bác chỉ lo xa dân. Một hôm Bác chuẩn bị đi thăm một hợp tác xã nông nghiệp. Bác hỏi anh em cảnh vệ: “Các chú có biết chuyện Bu-ta-khin không?”. Anh em chưa ai biết. Bác vui vẻ kể lại: “Một hôm Nga hoàng báo cho viên quan cai quản địa phương tên là Bu-ta-khin, nhà vua sẽ đi thị sát xem tình hình làm ăn, sinh sống của dân địa phương. Bu-ta-khin hồi hả trở về địa phương trước. Hắn thuê họa sĩ vẽ nhiều tranh rực rỡ, sửa sang đường sá, nhà cửa, lại còn sắp xếp cả những người béo tốt ăn mặc sang trọng, đóng giả dân lao động lấp ló ở nhiều nơi để vua “tình cờ” trông thấy. Nga hoàng bị lừa mà không biết tướng dân âm no hạnh phúc thật.”

Kể chuyện xong, Bác nói: “Các chú đừng bắt chước Bu-ta-khin. Khi nào Bác đến đâu, đừng báo cho nơi đó biết trước. Biết trước sẽ có lắm chuyện phô trương hình thức bên ngoài”.

THÁI DUY



MỘT LẦN GẶP BÁC⁽¹⁾

... Một hôm, có một đồng chí ở Văn phòng Chủ tịch đến chỗ chúng tôi ở, bảo: “Ngày mai, các đồng chí đại biểu sẽ lên gặp Hồ Chủ tịch. Chúng tôi sẽ đến đón!”. Tất cả anh chị em chúng tôi đều mừng, phấn khởi, ai cũng nghĩ. Không biết mình sẽ thừa với Bác nguyện vọng và tâm tư tình cảm của miền Nam thế nào đây? Tôi cứ băn khoăn trăn trở, bời bời hết nỗi nọ đến niềm kia, vừa chớp mắt một lúc đã nghe tiếng chim tìm vẹt khắc khoải kêu phía ven đê sông Hồng. Trời đã sáng.

Đoàn miền Nam độ 50 người, ai cũng chuẩn bị để báo cáo với Bác tình hình của tỉnh mình, đề nghị xin Trung ương giúp này giúp nọ. Vào Bắc Bộ phủ, ai cũng tưởng mình sẽ chuẩn bị tư thế ngồi đầu đó cho nghiêm trang, tề chỉnh, chốc Bác sẽ ra tiếp. Không ngờ mới bước vào, có anh chưa kịp sửa lại cổ áo sơ-mi, có anh đang nắn lại cà-vạt thì thấy Bác đã ra trước, ngồi chờ sẵn đấy. Bác đứng dậy, tươi cười bước tới: “Chào các vị đại biểu Quốc hội miền Nam ra ngoài này!”. Ngày ấy, chúng tôi đều gọi Bác bằng Cụ.

(1) Trích Hồi ký: *Qua những chặng đường của Đồng chí Nguyễn Thị Thập*.

Ở Nam Bộ từ trước, “trong ngôn ngữ thông dụng, không mấy ai dùng tiếng Cụ. Tiếng Cụ chỉ để gọi riêng Hồ Chủ tịch, mang một ý nghĩa tôn kính, thiêng liêng đặc biệt. Bác chúc đoàn mạnh khỏe, hỏi thăm chuyện đi đường, hỏi thăm sức khỏe từng người, rồi chậm rãi nói:

- Ở miền Nam, Pháp gây hấn đánh ra khắp các tỉnh. Trung ương nghĩ về những khó khăn của miền Nam không lúc nào yên tâm. Nay Quốc hội đã họp rồi, tức là các đại biểu miền Nam ở xa về không kịp. Đại hội đã thông qua việc thành lập Chính phủ mới, lập Ủy ban Kháng chiến, lập Đoàn cố vấn của Chính phủ, quyết định quyền hạn của Ủy ban Thường trực Quốc hội, và thành lập Ủy ban dự thảo Hiến pháp... Tình hình khó khăn hiện nay trong cả nước, các vị cũng biết rồi. Tôi cũng nghĩ nhiều, nghĩ phải tìm cách nào để giải quyết các vấn đề đó. Các vị có ý kiến gì giúp cho Chính phủ, để hỗ trợ cho miền Nam chống thực dân Pháp không?

Bác mặc bộ quần áo kaki hơi bạc, người gầy, râu đen, đôi mắt sâu và trong, giọng từ tốn, trầm ấm chứa chan tình cảm và xúc động. Mắt tôi nhoè đi. Tôi thấy hiện ra hình ảnh Bác mảnh khảnh trong bộ quần áo kaki đã phai màu, đi đôi giày vải chàm, nổi bật lên giữa đám người to béo sang trọng, hầu hết là quân nhân, thay mặt cho nước Pháp, đứng đầu bộ tư lệnh quân đội Tưởng ở miền Bắc Đông Dương, đại diện phái bộ Mỹ, lãnh sự Anh trong lễ ký kết Hiệp định sơ



bộ hơn tháng trước đây, tại ngôi nhà cách Bắc Bộ phủ chỉ một vườn hoa. Các đồng chí kể lại còn nói: “Đúng là một hình ảnh thu gọn, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà giữa vòng vây trùng điệp của chủ nghĩa đế quốc!”. Sau này, trong ngày Bác đi xa, đồng chí Tố Hữu viết: *“Bác nhớ miền Nam nỗi nhớ nhà - Miền Nam mong Bác nỗi mong cha...”* (tưởng không thể có hai câu thơ nào khái quát được tình cảm mênh mông, sâu xa của Bác đối với miền Nam và của miền Nam đối với Bác, chính xác và hay như thế). Các đại biểu chúng tôi người nọ liếc người kia, ai cũng rung rung nước mắt không nói được.

Bác vẫn còn xúc động, nhưng Bác vẫn tươi cười:

- Các vị đại biểu muốn gì, nói đi!

Giọng Bác sao mà gần gũi, thân thiết, như cha nói với con, như đồng chí bạn bè nói với nhau. Bây giờ anh em mới “được mời” tỉnh táo lại, ào ào tranh nhau nói. Đoàn thì xin súng đạn; đoàn thì xin tiền bạc; đoàn thì xin cho về gấp; đoàn thì xin cho cán bộ; đoàn thì xin sách báo, tài liệu có chủ trương chính sách để về địa phương làm công tác...

Bác ngồi chăm chú nghe ý kiến của từng đại biểu. Bác chảy nước mắt, nói:

- Các vị. Cách mạng sẽ thắng lợi. Trước nhiệt tình của các vị, tôi rất xúc động. Đại biểu Quốc hội là đại diện cho dân. Ai cũng thiết tha, nhiệt thành muốn giúp Chính phủ đánh Pháp như thế này thì thật là xứng đáng, tiêu biểu đại diện cho toàn dân!



Rồi Bác mời chúng tôi uống nước. Tay Bác cầm tách nước đưa lên, tươi cười, đôi mắt sáng dịu dàng đầm ấm xiết bao. Tôi thấy bàn tay Bác gầy quá, nổi cộm những lóng xương và nhiều đường gân xanh nhỏ nhỏ hằn lên dưới lớp da nâu mỏng nhăn nheo. Mấy chục năm trời, Bác đã bao phen bôn ba vất vả nơi xứ người, để Tổ quốc ta có được độc lập ngày nay. Độc lập chưa được mấy ngày, kẻ thù lại đã xông vào, bao vây ta bốn phía. Liệu đến bao giờ thì Bác mới có được một giờ phút nghỉ ngơi! Tay tôi cầm vào quai tách rồi mà vẫn không nâng được tách nước lên.

- Kia, mời các vị đại biểu uống nước đi!

Tôi cúi xuống, một giọt nước mắt rơi vào lòng tách. Tôi vội vàng cầm tách nước lên. Che ngang đôi mắt, chậm chậm uống từng ngụm một để nén xúc động và để cho Bác đừng nhìn thấy mình đang khóc.

Tôi về rồi bụng mới tiếc. Có nhiều việc muốn thưa với Bác, nhưng khi gặp Bác, xúc động quá quên mất hết, bây giờ mới nhớ ra. Năm ba hôm sau anh em cứ bàn tán, phải làm những gì những gì, ai cũng xúc động, thấy mình hăng hái lắm. Bác đã truyền cho chúng tôi một niềm tin tưởng mãnh liệt vào sự tất thắng của dân tộc cho dầu đất nước còn có khó khăn đến đâu. Đại biểu của mỗi tỉnh đều tích cực chuẩn bị cho đoàn mình những gì cần thiết, hỗ trợ cho địa phương, theo sự phân công của Trung ương...

Nhà văn ĐOÀN GIỎI (ghi)



TẾT VIỆT BẮC - 1948

Xuân 1948. Giặc Pháp vừa rút khỏi Việt Bắc, sau hai tháng tấn công hùng hổ.

Chính phủ họp, nghe Bộ trưởng Quốc phòng Võ Nguyên Giáp diễn lại trên bản đồ, các trận tập kích dọc đường số 4, đường Cao - Bắc - Thái và trận thắng lớn sông Lô. Mọi người dán mắt lên tấm bản vẽ, dõi theo chiều lượn chiếc gậy chỉ huy của vị Tổng tư lệnh. Đồng “lửa trại” ở giữa nhà sàn bập bùng, sưởi rực thêm lòng người.

Bộ trưởng Văn (bí danh đồng chí Võ Nguyên Giáp) vừa dứt lời, thì Bộ trưởng Ngoại giao Hoàng Minh Giám thay mặt hội nghị chúc thọ Hồ Chủ tịch. Máy đồng chí phục vụ bung ra mấy đĩa cam sành vàng mọng. Bác chỉ vào đĩa đồ nhất:

- Đây là cam Bô Hạ của Đặc uỷ đoàn chú Hoè⁽¹⁾ đi kinh lý Việt Bắc trở về, qua chợ Yên Thế, mua thiết đãi chúng ta. Đoàn hoàn thành nhiệm vụ cũng là đóng góp vào chiến thắng!

(1) Khi giặc Pháp nhảy dù Bắc Cạn - tương kế tựu kế - Hồ Chủ tịch chia Chính phủ thành 5 đoàn nhận uỷ quyền đặc biệt đi kinh lý, kiểm tra các tỉnh và động viên đồng bào kháng chiến (VDH).

Rồi Bác tuyên bố:

- Cuộc họp dừng ở đây. Còn sớm. Lát nữa chúng ta sẽ đánh chén mừng xuân chiến thắng. Trong khi đợi “hoả đầu quân” chuẩn bị tôi đề nghị mỗi vị nghĩ ra một trò vui “tự biên tự diễn”. Thi đua trò nào hay sẽ được thưởng, nhận phần ăn gấp đôi!

Kìa! Bác thì thăm gì với cụ Trưởng ban Thường trực Quốc hội Bùi Bằng Đoàn:

- Tôi không có tài ứng khẩu - lời cụ Bùi - Nhân tôi vừa họa bài thơ Hồ Chủ tịch gửi tặng, xin ngâm hầu các vị. Được không ạ?

Mọi người vỗ tay thúc giục.

Cụ Bùi ngâm, sang sảng hào hùng:

*Thiết thạch nhất tâm phù chủng tộc,
Giang sơn vạn lý thủ thành trì.*

Hồ Chủ tịch ngắt lời:

- Cụ tha lỗi, cho tôi dịch để các bạn trẻ cùng thưởng thức: “Sắt đá một lòng phò giống nòi. Giang sơn muôn dặm thành trì giữ vững”.

Cụ Bùi ngâm tiếp, giọng trầm xuống cảm động:

- Tri công quốc sự lo dư hạ

Dịch:

“Biết công việc nước chẳng được ngơi”

Bỗng mắt long lanh. Cụ Bùi nhìn Cụ Hồ, giọng vút lên:

Thao bút nhưng thành thoái lộ thi



- “Đây thập bút lại: đã viết xong bài thơ đuổi giặc rồi!”

Bác Hồ dịch xong câu thơ cuối thì hích nhẹ vào vai cụ Phan Kế Toại, Bộ trưởng Nội vụ. Cụ Toại nói:

- Tôi chưa kịp có bài họa. Chỉ xin phép Cụ Chủ tịch đọc bài xướng của Cụ được cụ Bùi cho xem hôm nọ.

*“Khảm thư, sơn điều thệ song hãn
Phê trát xuân hoa chiếu nghiên trì
Tiệp báo tần lai, lao dịch mã
Tư công, tức cảnh tặng lân thi”.*

Tạm dịch nghĩa:

Xem công văn, chim núi đậu ngoài song
Duyệt ký lệnh, hoa xuân soi bóng
vào nghiên mực
Tin thắng đồn dập, ngựa trạm chôn chân
Nhớ ông, tức cảnh, gửi bài thơ tặng.

Đặng Phúc Thông, Thứ trưởng Giao thông - Thủy lợi, gật gù mỉm cười, bình “Tuyệt vời, hai Cụ! Một đảng nhận tin thắng đồn dập, vội làm thơ tặng bạn chia vui. Một đảng thông cảm bạn vốn mê “nàng thơ”, nhưng bận việc nước, đành quên “nàng”, nay bạn tặng thơ, phải hiểu là thơ đuổi giặc, thì biết là bạn vui xiết bao, nhưng chắc bạn lại cất bút đi rồi... Ôi hai trái tim cao cả cùng một nhịp đập”.

Bác Hồ, nét mặt rạng rỡ, nhìn sang phía anh em trẻ, hô to:



- Này! Các chú! Đám già chúng tôi ra trò xong rồi. Bây giờ đến lượt các chú đây!

- Dạ có ngay!

Lê Văn Hiến, Bộ trưởng Tài chính, nhảy “phốc” lên “sân khấu” vung cây nửa ngân:

- Ài ải! Như ta đây!

Anh diễn tuồng Liên khu V khá thuần thực, điệu múa, giọng ca không thua nghệ nhân chuyên nghiệp. Anh vốn từng là đầu trò của những đêm liên hoan trong nhà tù Kon Tum, ngay trước con mắt cú vọ của cai ngục. Nay thì anh được vùng vẫy thoải mái. Tích gì vậy? “Tổng tửu Đơn Hùng Tín” hay “Bách bộ bách bái Phàn Lê Hoa?”. Bọn trẻ mất gốc, chúng tôi “ù cạc” chịu. Nhưng lớp tuồng hẳn phải là một khúc khải hoàn tung bừng hùng khí.

Tiết mục tiếp theo. Diễn viên là những nhà luật “mặt sắt đen sì” thuộc ngành tư pháp hoặc cơ quan lập pháp tối cao.

... Ngày hôm sau, trở về cơ quan mình, anh Trần Công Tường, Thứ trưởng Tư pháp, kể lại với anh chị em đồng sự về cuộc đấu nghệ thuật trong phiên họp mừng xuân chiến thắng của Chính phủ. Có người hỏi:

- Thế ông Bộ, ông Thứ nhà ta góp vui gì?

- Tụi mình đóng kịch. Kịch vua Hùng gả con gái cho Sơn Tinh. Mình đạo diễn, giới thiệu giáo đầu: Sơn Tinh đuổi Thủy Tinh ra biển bèn quay về



triều làm lễ rước dân. Hùng Vương cất giọng phán...

- Ai đóng Vua Hùng?

- Linh mục Phạm Bá Trục⁽¹⁾, oai phong lắm lì. Ngài phán: “Bớ My Châu! Con mau mau ra mắt...”

- Oi *cha* Trục có *con* à? - Một giọng đùa nghị xen ngang.

Một chị nhân viên văn phòng sốt ruột:

- Thế ai đóng Sơn Tinh?

- Đoán thử xem?... ông Bộ “nhà ta mà” - Ai Tường đáp - Hợp vai đấy chứ?

- Còn My Châu, ai?

Bộ trưởng Phan Anh, người thâm thấp, cổ trắng trẻo, súng sính cái áo capote lê dương loà xo. Cũng yếu điệu thực nữ lắm. Phải cái tội hơi ngang. Không sao! Anh Khiêm nhà ta cứ mê tẩn xoắn lấy cô dâu xuýt xoa: Chà! Tuyệt thế gì nhân... Nhưng... sao nàng lại có râu? Khán giả cứ lăn cười bò.

- Thế còn ông Thứ ta, vai gì?

- Mình nấp sau cái cột thờ đầu ra kêu “meo meo” rồi ù té chạy vào buồng.

- Đám cưới sao lại có mèo?

(1) Cụ Phạm Bá Trục là Phó trưởng Ban Thường trực Quốc hội. Bí danh tác giả thời kháng chiến chống Pháp.

- Quà của chú rể tặng cô dâu. Mèo rừng nên sợ chỗ đông người.

... Trở lại cuộc đua tài trong Chính phủ. Có tiếng khúc khích ở cuối phòng họp. Bác hỏi:

- Các chú bàn đến chuyện gì thế? Chuẩn bị tiết mục hay, hả? Đưa ra công diễn đi!

Phan Mỹ, Chánh văn phòng Chính phủ, đứng lên trình trọng:

- Thưa Bác, thưa các cụ, tiết mục hơi xác xược xin miễn trình ạ.

- Không sao. Tự do sáng tác. Diễn đi!

- 'Tuân lệnh! Chúng cháu vừa sáng tác tập thể bài thơ mừng tuổi Bác. Xin đọc ạ:

Năm mươi tám tuổi vẫn chưa già

Răng rụng rồi răng lại mọc ra⁽¹⁾.

Vừa đọc hai câu thơ, Mỹ ta sợ tội, tụt xuống gầm bàn. Trịnh Văn Bính, Thứ trưởng Tài chính ngồi sát bên, giằng lấy tờ giấy phân bua:

- Răng rụng là nguyệt lạc đây ạ? Các tác giả viết sai chính tả. Xin đọc nốt: các thi sĩ muốn nói lên nguyện vọng tha thiết của nhân dân trong triều dâng vui mừng.

Dân đã có cha, chưa có mẹ

Bao giờ cậu cụ lấy cô bà.

(1) Bác vừa được bác sĩ nha khoa cấp cho hai cái răng cửa giả đã lâu.

Trận cười nổ vang như sấm dậy.

Bác khoan thai bước tới, bắt tay từng nhà thơ, tươi cười:

- Các chú hỏi bao giờ Bác lấy vợ, phải không? Có hỏi thì có trả lời nhé. Không lâu nữa đâu! Bao giờ dân ta toàn thắng. Bắc Nam sum họp một nhà!

VŨ DÌNH HOÈ

BÁC HỒ RA CÂU ĐỐI...

Vào một buổi tối ngày đầu xuân 50 năm trước ở căn cứ địa Việt Bắc, sau phiên họp Hội đồng Chính phủ, mọi người nhất trí hoan nghênh Hồ Chủ tịch bổ nhiệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp làm Tổng tư lệnh Quân đội quốc gia và dân quân Việt Nam.

Trong không khí phấn khởi chung, vui chuyện trong bữa ăn, Bác nói có nghĩ một vế câu đối muốn mời các vị đối lại. Mọi người vui vẻ hưởng ứng, đề nghị Bác ra đối, Bác nói vắn vện bốn chữ. “*Giáp phá giải pháp*” (nghĩa là đồng chí Giáp phải có kế hoạch giải quyết đánh thắng thực dân Pháp xâm lược. Câu đối khó vì hai từ sau là tiếng nói lái của hai từ trước.

Các vị họp Chính phủ thích thú suy nghĩ tìm câu đối lại. Người trước tiên xin đối là đồng chí Tôn Quang Phiệt, ông nói: “*Hiền tài hái tiền*”. Câu đối lại khá hay, vì hai từ sau cũng là tiếng nói lái của hai từ trước, hợp với cương vị của Bộ trưởng Tài chính lúc đó, cũng như giải pháp hợp với cương vị Tổng tư lệnh của Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

Mọi người hoan nghênh sự nhanh trí của đồng chí Tôn Quang Phiệt.

Bác Hồ liền thưởng cho ông Phiệt một điều thuốc lá và Người phân tích cái hay của câu đối rõ ràng không chỉ ở vần, ở chữ mà còn ở chỗ nói được cả hai vai trò quan trọng chiến lược lúc đó: Đánh giặc và nuôi quân, kháng chiến và kiến quốc.

ĐINH CHƯƠNG

... VÀ THÁCH ĐỐI

Mọi người đều biết Bác Hồ lúc nào cũng bận rộn việc dân việc nước. Có khác chăng là Bác tìm thư giãn trong những phút nghỉ ngơi ít ỏi ấy để cùng lao động chân tay với mọi người xung quanh.

Lần ấy, một số cán bộ đến thăm, thấy Bác đang nhặt củi trông khoai môn ở trước nhà. Bác nhìn ra, tươi cười nói:

- *Trồng môn trước cửa. Các chú thử đối cho vui!*

Về ra khá hiểm hóc, vì *môn* (chữ nôm) nghĩa là *cửa*. Anh em hồi lâu mới nghĩ ra.

Bắt ốc sau nhà. Thừa với Bác và nhờ Bác nhận xét, vì *ốc* cũng có nghĩa là *nhà*.

Bác cười rất vui vẻ, khen đối thế là chỉnh.

X. NGA

BÁC HỒ LÀM CÂU ĐỐI

Năm 1902, cậu Nguyễn Sinh Cung cùng anh theo học với thầy Vương Thúc Quý ở làng Kim Liên. Thầy là một nhà nho có chí khí, để nung nấu tinh thần yêu nước, căm thù giặc cho học trò, hằng ngày thầy thắp đèn, đốt hương trên bàn thờ cha trước lúc giảng bài. Một hôm đang thắp đèn, thầy sơ ý làm đổ đĩa đèn dầu đặt trên bàn thờ. Nhân việc này, thầy ra một vế đối để thử lòng yêu nước của học trò.

- *Thắp đèn lên dầu vương ra để*

Cậu Cung đã làm ngay vế đối:

- *Cưỡi ngựa dong thẳng tấn lên đường.*

Vế đối của cậu Cung thể hiện ý thức vươn lên của một học trò khi được nghe thầy dạy về truyền thống chống giặc giữ nước lâu đời của dân tộc.

Năm 1905, tại Huế, cụ Phan Bội Châu thăm cụ Phó bảng Sắc, cậu Cung ở nhà hầu trà nước. Cụ Sắc hỏi cụ Phan dự định công việc sắp tới, Phan Bội Châu tâm sự:

- *Tiết hậu đăng trình, lao càn thiên trùng, vọng hoàn thanh viện* (sau tết sẽ lên đường, công lao



ngành trùng vát vả, chỉ muốn trả được cái công ngoại viện). Nghe xong, cậu Cung coi như là vế đối nên đã ứng khẩu đối lại như sau:

- *Đông tiến thượng lộ, tri khu vạn lý, cầu đạt chính thư* (Đông này sẽ ra đi, bước đường muôn dặm ruổi rong, mong tìm được sách kế đúng).

Đây là một vế đối rất chỉnh về hình thức, rất sáng rõ về nội dung, thể hiện một hoài bão lớn.

Năm 1943, Bác Hồ ra khỏi tù, Hầu Chí Minh - Cục trưởng chính trị Quốc dân Đảng mở tù cho Bác do Trương Phát Khuê bảo, nó mời Bác vào Việt Nam Cách mạng Đồng chí hội. Nguyễn Hải Thần ra một vế đối:

- *Hồ Chí Minh, Hầu Chí Minh, Nguyễn Chí Minh, Tam nhân Chí Minh, Minh Khả Chí.*

Bác đối lại ngay:

- *Tôi cách mạng, Anh cách mạng, nó cách mạng, mọi người cách mạng, mạng phải cách.*

Năm 1947, tại Việt Bắc, trong buổi họp Hội đồng Chính phủ, mọi người nhất trí hoan nghênh Bác bổ nhiệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp làm Tổng tư lệnh Quân đội Nhân dân Việt Nam, Bác nghĩ một câu đối đề nghị mọi người đối lại:

Giáp phải giải pháp: Nghĩa là đồng chí Giáp phải có kế hoạch giải quyết đánh thắng thực dân Pháp. Câu đối khó vì 2 từ sau phải nói lái. Mọi người tập trung suy nghĩ để đối lại.



Ông Lê Văn Hiến⁽¹⁾ làm Bộ trưởng Tài chính, xin
Bác đời:

Hiền tài hái tiền. (Có nghĩa là Bộ Tài chính
phải có tiền). Bác khen nhanh trí.

NGUYỄN KIM LIÊN

(1) Có bản gọi là Tôn Quang Phiệt.

BÁC HỒ VỚI THƯƠNG BINH, LIỆT SĨ

Bác Hồ của chúng ta đã dành cho thương binh, liệt sĩ tình cảm đặc biệt và tấm lòng thương yêu vô hạn. Sau *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* chưa đầy nửa năm, tháng 6-1947, Bác đã chỉ thị chọn một ngày trong năm làm *Ngày thương binh toàn quốc* để đồng bào ta có dịp bày tỏ tấm lòng hiếu nghĩa và yêu mến thương binh.

Thực hiện chỉ thị của Bác, một hội nghị trù bị được tổ chức tại xã Phú Minh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Tại hội nghị, đại biểu các cơ quan, ban ngành trung ương, tỉnh nhất trí lấy ngày 27-7 làm *Ngày Thương binh toàn quốc*. Và cũng ngày đó, Bác đã có thư cho thương binh. Ngay sau đó, một cuộc mít tinh trọng thể được tổ chức tại Đại Từ với khoảng 1.000 người tham gia, được nghe đọc thư Bác và nhất trí lấy ngày 27-7 hàng năm làm *Ngày thương binh, liệt sĩ* trong toàn quốc. Từ đây, ngày 27-7 được đi vào lịch sử của dân tộc ta.

Lúc sinh thời, hằng năm, cứ đến ngày 27-7, Bác thường có lời kêu gọi Chính phủ và đồng bào hãy tổ chức trọng thể và có thư thăm hỏi anh em thương



binh và gia đình liệt sĩ. Bác đánh giá rất cao sự cống hiến của thương binh, liệt sĩ trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Bác cho rằng, những lúc Tổ quốc lâm nguy nạn ngoại xâm ồ ạt đến, nó đến như trận lụt to, đe dọa tràn ngập cả non sông, đe dọa cuốn trôi cả tính mệnh, tài sản, chìm đắm cả bố mẹ, vợ con và cả dân tộc ta. Trước cơn nguy biến ấy, số đông thanh niên yêu quý đã dũng cảm xông ra mặt trận, đem xương máu của họ đắp thành bức tường đồng, con đê vững ngăn cản nạn ngoại xâm tràn ngập Tổ quốc. Họ quyết hy sinh tính mệnh, gia đình, tài sản, quyết chiến quyết thắng để bảo vệ Tổ quốc và đồng bào. Họ là những chiến sĩ dũng cảm của ta. “Trong đó, có người đã bỏ một phần thân thể ở trước mặt trận. Có người đã bỏ mình ở chiến trường. Đó là thương binh, đó là tử sĩ”.

Để đền đáp công ơn cao cả đó, Bác kêu gọi Chính phủ và đồng bào ta hãy tìm mọi cách giúp đỡ anh em thương binh và gia đình liệt sĩ cả về vật chất lẫn tinh thần. Bác khuyên chúng ta: “... Trước đã giúp đỡ, sau này sẽ sẵn sàng giúp đỡ mãi”. Bác coi việc giúp đỡ anh em thương binh, gia đình liệt sĩ là trách nhiệm và là nghĩa vụ của mỗi một người trong xã hội. Đó là đạo lý, là lẽ phải. Chính ngày nay, chúng ta được sống trong độc lập, tự do là nhờ biết bao nhiêu người con ưu tú đã ngã xuống hoặc đã hy sinh một phần thân thể ở chiến trường. Vì vậy, hằng năm, cứ đến ngày đó, Bác không chỉ có thư thăm hỏi mà còn gửi quà cho thương binh

và gia đình liệt sĩ, như Ngày thương binh đầu tiên, Bác gửi chiếc áo lụa, mà trước đó chị em phụ nữ gửi biếu Bác, cùng một tháng lương, một bữa ăn của Bác và của nhân viên Phủ Chủ tịch. Tổng cộng 1.127 đồng Ngân hàng Việt Nam trong kháng chiến.

Không những thế, Bác còn kêu gọi đồng bào ta noi gương oanh liệt của thương binh, liệt sĩ ra sức đánh giặc bảo vệ Tổ quốc, như trong thư ngày 5-5-1948, Bác gửi cho đội lão du kích huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, nhân có bảy vị lão du kích hy sinh. Trong thư, có đoạn Bác viết: “Tôi kính cần thay mặt Chính phủ nghiêng mình trước anh linh những vị lão du kích đã hy sinh vì nước... các cụ ấy xứng đáng bỏ lão đời Trần... Các cụ đã nêu gương oanh liệt, toàn thể dân quân, du kích cả nước phải noi gương anh dũng ấy... Tiếng thơm của các cụ sẽ lan truyền với non sông...”

Bác không chỉ đề cao sự công hiến của thương binh, liệt sĩ mà còn đề cao sự công hiến của gia đình họ và dành cho tình cảm đặc biệt. Như cụ Tạ Quang Yên ở Nam Định, có tám người con, trong đó sáu người con tham gia kháng chiến mà bốn người đã oanh liệt hy sinh vì Tổ quốc, cho nên tháng 9-1948, Bác có thư thăm cụ Yên, trong thư có đoạn: “Tôi trân trọng thay mặt Chính phủ gửi lời khen ngợi và tặng cụ mấy chữ:

“Một nhà trung hiếu

Muôn thuở thơm danh”



Nhân dịp này, tôi xin biểu cụ một cái áo mà đồng bào đã biểu tôi”.

Nội gương Bác và tuân theo chỉ thị của Bác, đồng bào ta cả Bắc chí Nam, cả vùng tự do đến vùng địch tạm chiếm đều đã dành cho thương binh, gia đình liệt sĩ sự giúp đỡ hết mình. Như được tin Chính phủ chúc kỷ niệm Ngày thương binh đầu tiên và ngày Bác Hồ gửi cho thương binh một cái áo, cho nên nhóm đồng bào trong vùng địch tạm chiếm tại khu bao gồm tỉnh Bà Rịa, Biên Hoà, Thủ Dầu Một, T. Ninh, Gia Định, Chợ Lớn và Sài Gòn cũ, do ông Lê Sơn làm đại biểu, đã gửi thư cho Bác và số tiền 10.000 đồng để mua một cái cúc trong cái áo đó mà Bác đã tặng cho thương binh. Cùng lúc đó, ông C. Triều Phát, đại biểu đồng bào Cao Đài Nam Bộ cũ, gửi đấu giá 100.000 đồng, song điện đến trề. Cái đó đã được Liên hiệp công đoàn Bắc Cạn mua với giá 467.000 đồng và sau đó đã gửi biểu lại cho ông C. Triều Phát. Đến ngày 18-9-1947, Bác gửi thư cho ông Lê Sơn, có đoạn viết: “Tôi rất cảm động lòng sự sẵn lòng đồng bào đối với tôi và đối với anh em thương binh... Thay mặt anh em thương binh tỏ lòng cảm tạ tôi xin biểu đồng bào do ông Lê Sơn đại biểu, mua vòng mùi soa thêu mà các cháu nhi đồng Nghệ An đã tặng cho tôi”.

Đối với anh em thương binh, Bác luôn ân cần căn dặn là phải giữ vững truyền thống tốt đẹp về vai trò của quân đội nhân dân. Trong thư gửi anh em

thương, bệnh binh tháng 7-1948. Bác viết: "... Các đồng chí đã anh dũng giữ gìn non sông, các đồng chí sẽ trở nên người công dân kiểu mẫu ở hậu phương cũng như các đồng chí đã là người chiến sĩ kiểu mẫu ở ngoài mặt trận. Tôi cùng đồng bào luôn luôn nhớ đến các đồng chí". Cũng như trong thư Bác gửi thương binh, bệnh binh Trại an dưỡng Hà Nam: "... Các chú cần giữ vững truyền thống tốt đẹp vẻ vang của quân đội cách mạng".

Tuy Bác đã đi xa, song thực hiện những lời dạy quý báu của Bác Đảng, Nhà nước và nhân dân ta dành cho thương binh và gia đình liệt sĩ tình cảm đặc biệt và tấm lòng thương yêu vô hạn. Tuy đất nước ta đang gặp muôn vàn khó khăn, nhưng nhiều tỉnh thành trong cả nước đã duy trì và đẩy mạnh các phong trào đón thương binh nặng về gia đình chăm sóc, cõng địu con liệt sĩ, giúp đỡ thân nhân liệt sĩ neo đơn, tặng nhà tình nghĩa, chăm lo quản lý, tu bổ, xây dựng nghĩa trang liệt sĩ v.v. . . Làm được như vậy, không chỉ mang lại kết quả chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho thương binh và gia đình liệt sĩ, mà chúng ta thu lại "cái lãi rất lớn" là nuôi dưỡng đời này sang đời khác tấm lòng biết ơn sâu sắc đối với những người hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc và vì hạnh phúc của nhân dân.

PHAN TÁ, Thành phố Hồ Chí Minh

MỘT SỐ MẪU CHUYỆN NGẮN VỀ BÁC HỒ

1. Năm 1946, sau khi ký Tạm ước với chính phủ Pháp, trước lúc lên đường về nước, Bác Hồ gặp gỡ Việt kiều trong một buổi tiễn đưa do Hội Việt kiều tổ chức. Tại buổi chia tay Bác đã đọc hai câu Kiều:

“Gìn vàng giữ ngọc cho hay

Cho đành lòng kẻ chân mây cuối trời”.

(Đây là hai câu Kim Trọng dặn Thuý Kiều trước lúc về Liêu Dương hộ tang chú). Lời nhắn nhủ của Bác với Việt kiều thật là thâm trầm, ngọt ngào, thấm thía biết bao!

2. Năm 1958, đồng chí Nguyên soái Vô-rô-si-lốp được Đảng cộng sản Liên Xô cử sang có ý thăm dò thái độ của Bác và Trung ương ta nhưng không dám ngỏ lời. Bác hiểu ý và tâm sự của đồng chí Vô-rô-si-lốp. Nhân buổi văn nghệ đón đồng chí, Bác trực tiếp sắp xếp một tiết mục, Bác sắp xếp để một cháu ôm đàn “ắc-coóc-đê-ông” đứng giữa. Các cháu khác đứng sau và hai bên. Tiếp đó Bác đọc hai câu Kiều (Thuý Kiều hứa với Kim Trọng trước lúc chia tay để Kim Trọng về Liêu Dương):

“Đã nguyên hai chữ đồng tâm

Trăm năm thề chẳng ôm cầm thuyền ai”



Cầm là cái đàn, Bác tỏ thái độ của Bác và Trung ương ta thật là tinh tế, ý nhị, sâu sắc.

3. Đầu kháng chiến chống Pháp, Bác thăm trại tù binh Thất Khê. Thấy một tù binh Pháp bị lạnh, Bác cởi chiếc “bờ-lu-dông” cho người tù binh mặc, trên người Bác chỉ còn chiếc áo mỏng. Bác còn đưa thuốc cho người tù binh hút. Trong thời gian chống Mỹ, Bác gửi quà cho một số phi công tù binh Mỹ nhân những ngày lễ của nước Mỹ.

4. Đồng chí Cù Huy Cận có kể một câu chuyện: Hồi ở Việt Bắc, thời kháng chiến chống Pháp, nước bạn Trung Hoa báo cho ta biết là họ đã bắt được Nguyễn Hải Thần và đề nghị ta cho ý kiến xử lý. Bác đưa ra hội đồng Chính phủ bàn. Có ý kiến đòi đưa Nguyễn Hải Thần về nước để trị tội. Cuối cùng, Bác nói đại ý là: Nguyễn Hải Thần tuy có tội với dân với nước nhưng ông ta đã già rồi, không làm gì được nữa. Đề nghị nước bạn tạo điều kiện cho ông ấy sống thành người lương thiện. Mấy năm sau, đi công tác qua Trung Quốc, nghe Nguyễn Hải Thần còn sống, Bác đề nghị đồng chí Chu Ân Lai cho vay một số tiền để trợ cấp cho ông ta.

5. Mấy ngày trước lúc Bác qua đời, Thủ tướng Phạm Văn Đồng vào thăm Bác. Bác nói: Nước sông Hồng đang lên cao. Chú Kỳ bảo Bác lên ở gác cao nhưng Bác không đi, Bác ở dưới này với dân.

CAO THẾ LŨ (st)



NĂM 1949, BÁC HỒ ĐÔNG THỐC KHAO QUÂN

Ngay trong những ngày đầu tháng 8 năm 1949, Bác Hồ và Trung ương Đảng đã có dự kiến: “Thu Đông năm nay, ta sẽ có thể gặp nhiều khó khăn”. Từ đó, Ban Thường vụ Trung ương đã chỉ thị cho các địa phương tích cực chuẩn bị mọi công tác đánh địch trong thu, đông 1949; Giải quyết tốt việc tiếp tế lương thực cho bộ đội và nhân dân có ăn để đánh giặc. Trong đó nêu rõ: “Việc tăng gia sản xuất, dự trữ, cất giấu thóc gạo, tổ chức vận tải tiếp tế, đặc biệt việc vận động bán gạo cho Hồ Chủ tịch cần phải có kế hoạch làm cho chu đáo”.

Bác Hồ rất quan tâm đến việc làm này và đã viết thư gửi các phụ lão, thân sĩ, nam nữ đồng bào. Trong bức thư có đoạn:

“Nhân ngày kỷ niệm Độc lập, ngày 2 tháng 9, tôi có ý muốn khao thưởng bộ đội ta là những người đang chiến đấu anh dũng để giữ gìn quyền độc lập mà nhân dân ta đã đấu tranh được.

Nhưng lấy gì mà khao thưởng?

Thánh hiền có nói: “Thực túc, binh cường”.



Vậy thì lấy lương thực mà khao thưởng là giản đơn nhất, thiết thực nhất.

Song tôi không có thóc gạo.

Vậy thì tôi lấy danh nghĩa cá nhân mà nhờ đồng bào giúp tôi việc đó.

Tôi chắc đồng bào sẵn lòng giúp tôi việc đó. Tôi cảm ơn trước đồng bào”.

Bức thư của Bác Hồ đã được truyền nhanh đến với nhân dân cả nước và phong trào hưởng ứng thực hiện thư của Bác Hồ lan rộng khắp nơi. Nhờ vậy, chỉ một thời gian ngắn hàng ngàn tấn lương thực đã được nhân dân phơi khô, quạt sạch bán cho Bác Hồ chở đến các kho. Kết quả đó là do nhân dân ta hiểu rõ ý nghĩa của việc Bác Hồ đóng thóc gạo khao quân là để nuôi dưỡng bộ đội ta càng lớn mạnh, đánh địch ngày càng nhiều. Trách nhiệm nuôi quân đó đã trở thành nhiệm vụ của mọi địa phương, mọi người dân.

Để cảm ơn nhân dân về việc làm trên, Bác Hồ đã có thư cảm ơn đồng bào các địa phương. Bức thư nói rõ: “Sự thực là đồng bào khao thưởng bộ đội, chứ không phải riêng tôi”.

NGUYỄN VĂN THỰC



NHỮNG “CHIẾN SĨ VIỆT NAM MỚI”

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta, cảm phục tinh thần yêu nước, sự nghiệp đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Việt Nam, nhiều người nước ngoài với quốc tịch khác nhau đã tình nguyện, hoặc bỏ hàng ngũ địch sang chiến đấu bên cạnh các chiến sĩ Việt Nam.

Theo nguồn tư liệu của phương Tây, tính đến năm 1954 đã có 208 người Pháp, 338 người Bắc Phi (Ma-rốc, An-giê-ri, Tuy-ni-di), 78 người Trung Phi, 1.373 người Nga, Thụy Sĩ, Hy Lạp, Tiệp, Đức, Áo, Ba Lan, Tây Ban Nha, Nhật - đã đứng “dưới lá cờ của Chủ tịch Hồ Chí Minh”.

Nhân dân ta thường quen gọi đây là những “chiến sĩ Việt Nam mới của Bác Hồ” và phần lớn đã lấy họ Hồ Chí cho tên Việt Nam của mình.

Một số người trong các “chiến sĩ Việt Nam mới” đã được gặp Bác Hồ, được Bác ân cần dạy bảo, quan tâm với một tình thương cao cả. Trong số này có Ka-xi-út. Năm 1951, Ka-xi-út công tác tại Đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam tại Việt Bắc. Nghe theo và làm theo Bác, cơ quan phát động phong trào tăng gia sản xuất. Cuối đợt thi đua, Ka-xi-út được bầu là “chiến sĩ



tặng gia giõi”. Biết tin này Bác Hồ đã viết thư gửi Ka-xi-út, một thư như sau:

Đồng chí Ka-xi-út,

Tôi chúc chú thu được nhiều kết quả hơn nữa trong việc cấy rau. Gửi chú một cái bắt tay anh em.

Hồ Chí Minh

Kể lại chuyện này, Ka-xi-út nói:

- Đó là những phút quý giá nhất trong đời tôi.

Còn Éc-vin Bóc Se, có tên Việt Nam là “Chiến Sĩ”, người thường được gặp Bác trên chiến khu, lúc rời Việt Nam được Bác tặng một đồng hồ Mô-va-đô. Anh nói:

- Đây là kỷ niệm quý báu nhất của nước Việt Nam

- Bác Hồ mà tôi hằng yêu mến.

THU CÚC

DÂN XIN NƯỚC, CÁN BỘ CHO LỬA

Năm 1949, vào khoảng mùa thu, Bác đến thăm trường Nguyễn Ái Quốc. Bác đội chiếc mũ lá cọ, mặc bộ quần áo bộ đội nhuộm lá coi, chiếc khăn mặt trắng vắt một bên vai.

Bác nhanh nhẹn bước vào hội trường. Đồng chí cảnh vệ đón lấy mũ, gậy của Bác. Bác cầm khăn lau mồ hôi, vẫn để nguyên hai ống quần xắn, ngồi xuống ghế. Bác rút chiếc quạt lá cọ ra phe phẩy, nói với đồng chí bảo vệ:

- Chú cho Bác xin cốc nước.

Vài phút sau đồng chí bảo vệ trở lại không hiểu sao không mang nước mà lại bật lửa mời Bác hút thuốc. Bác mở hộp thuốc, châm lửa. Sau đó, Bác nói:

- Các cô, các chú thấy đây. Bác xin nước mà chú ấy lại cho lửa. Có thể là bác nói không rõ, hay chú bảo vệ nghe nhầm. Cho nên khi ra mệnh lệnh gì, cấp trên phải nói cho rõ, cấp dưới phải nghe cho kỹ, chưa rõ phải hỏi lại, rõ rồi làm cho đúng. Cán bộ phải tìm hiểu nguyện vọng của chiến sĩ, của nhân dân. Chớ có làm kiểu này: Dân xin nước, cán bộ lại cho lửa.

ĐẶNG VĂN HỒ



BÁC HỒ VỚI GIA ĐÌNH VÀ GIÁO DỤC GIA ĐÌNH

Bác Hồ vừa là một anh hùng giải phóng dân tộc vĩ đại, vừa là một danh nhân văn hoá kiệt xuất của thế giới. Bác thường dạy cán bộ và nhân dân: Phải gương mẫu từ lời nói đến việc làm trong cuộc sống gia đình cũng như ngoài xã hội.

Ngay từ ngày 24-10-1946, sau khi Bác sang Pháp về, Bác khuyên các cháu:

1. Phải siêng học
2. Phải giữ sạch sẽ
3. Phải giữ kỷ luật
4. Phải làm theo đời sống mới
5. Phải thương yêu giúp đỡ cha mẹ anh em.

(*Hồ Chí Minh toàn tập* - tập IV, NXB Sự thật, Hà Nội 1984 - trang 176).

Trong “*Hồ Chí Minh tuyển tập*” chúng ta có thể học được rất nhiều lời dạy của Bác Hồ về giáo dục gia đình. Ngay năm 1949, trong bài dạy về “Cần kiệm liêm chính”, Bác cũng nhắc đến gia đình 4 lần.



“Người siêng năng thì mau tiến bộ

Cả nhà siêng năng thì chắc ấm no...”

“Hiếu là hiếu với nhân dân ta, thương cha mẹ ta mà còn phải thương cha mẹ người, phải làm cho mỗi người đều biết thương cha mẹ...”.

“... Chữ người, nghĩa hẹp là gia đình, anh em họ hàng, bầu bạn. Nghĩa rộng là đồng bào cả nước. Rộng nữa là cả loài người. Trừ bọn việt gian bán nước, trừ bọn phát-xít thực dân là những ác quỷ mà ta phải kiên quyết đánh đổ, đối với tất cả những người khác thì ta phải yêu quý kính trọng giúp đỡ...”.

“Ai mà chẳng muốn tự mình thành một người tốt.

Con cháu mình sung sướng

Gia đình mình no ấm

Làng xóm mình thịnh vượng

Nòi giống mình vẻ vang

Nước mình giàu mạnh...”.

Bao giờ Bác cũng gắn việc giáo dục gia đình với việc giáo dục lòng thương người, yêu dân, yêu nước theo sự vận dụng rất sáng tạo biện chứng quan điểm “chính tâm, tu thân, tề gia, trị quốc” của văn hoá phương Đông.

Hành động và cuộc sống đời thường của Bác Hồ như thế nào?

Hồ Chí Minh là một nhân cách kiệt xuất, vĩ đại hơn ở chỗ Người là một người con bình thường trong



gia đình, biết hiếu đễ, biết yêu thương bạn bè và nhân dân, hoà nhập trong cuộc sống của nhân dân chứ không phải siêu phàm, khắc kỷ.

Về việc giáo dục gia đình, Bác dạy các cháu ở lứa tuổi thiếu niên nhi đồng: Các cháu phải ngoan, ở nhà phải nghe lời bố mẹ, đi học phải siêng năng, đối với thầy và bạn phải yêu kính.

Bác viết:

Trẻ em như búp trên cành

Biết ăn ngủ, biết học hành là ngoan.

Bác coi “giáo dục nhi đồng là một khoa học, đồng thời là một nghệ thuật”. Bác căn dặn phải kết hợp giáo dục nhà trường với gia đình và xã hội. Bác giải thích: “Trẻ con không phải là người lớn” do đó “chớ gò ép thiếu nhi vào khuôn khổ của người lớn”.

Đối với các cháu thiếu nhi thì phải để “các cháu khi chơi là được học, trong khi học vui vẻ như được chơi”, không khen quá lời trước mặt các cháu; khen để động viên các cháu, chớ để cho các cháu kiêu căng. Chê cũng vậy, phải xây dựng lòng tự tin cho các cháu. Chớ nên làm cho các cháu hoá ra những người “già sớm”, không được làm cho các cháu thành “ông già bé”, phải giữ cái tính toàn vẹn, cái tính vui vẻ, hoạt bát tự nhiên, tự động, trẻ trung của chúng. Dạy các cháu thì nói với các cháu là một phần, cái chính là phải cho các cháu nhìn thấy, cho nên những tấm gương thực tế rất là quan trọng. Phải nêu gương tốt

thật sự chứ không phải bố trí hình thức của cô giáo, thầy giáo, cha mẹ, anh chị, người lớn. Khi đã có con, cha mẹ phải thận trọng trong cư xử, ăn nói với nhau phải tế nhị.

Các cháu 8, 9 tuổi trở lên trong gia đình, không phải chỉ yêu cầu các cháu lao động tự phục vụ mà phải tham gia sản xuất vừa sức, làm ra của cải vật chất. Không giáo dục lao động thành nề nếp thì dễ hư hỏng.

Những lời dạy của Người thực sự là một cuốn sách gia huấn rất khoa học, sâu sắc, có cơ sở khoa học tâm lý lứa tuổi thơ, được thể nghiệm và đúc kết qua cuộc đời làm con ngoan, trò giỏi, làm thầy giáo và làm lãnh tụ. Bác quan tâm đến mọi tầng lớp xã hội trong đó rất chú ý:

Thương yêu trẻ em

Quý mến phụ nữ

Tôn trọng tuổi già.

Về gia đình riêng, như Bác nói: “Tôi không có vợ, tức không có con, nhưng tất cả các cháu thanh thiếu niên Việt Nam, tôi coi như con cháu tôi cả”. Bác nói: “Ngày nay các cháu là nhi đồng. Ngày sau các cháu là người chủ của nước nhà, của thế giới”. Bác đề xuất và thực hành nhiều nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục thanh thiếu niên ở trong nhà trường, ở gia đình và ngoài xã hội, trong các tổ chức Đoàn và Đội. Nói về trách nhiệm chăm sóc và giáo dục thiếu niên,

nhi đồng, Bác viết: “Nói chung trẻ con ta rất tốt... thiếu niên nhi đồng là người chủ tương lai của nước nhà. Vì vậy, chăm sóc và giáo dục tốt các cháu là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân...

Trước hết, các gia đình (tức ông bà, cha mẹ, anh chị) phải làm thật tốt công việc ấy...”⁽¹⁾.

Trong tình hình xã hội ta đang đổi mới cũng như mãi mãi về sau trong sự nghiệp phấn đấu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng văn minh, ta cần giáo dục trẻ yêu thương, tôn kính ông bà, cha mẹ, thuận hoà, nhường nhịn, giúp đỡ anh chị em trong gia đình thì khi ra xã hội các cháu mới yêu thương tôn kính bạn bè, bà con thôn xóm, yêu thương đồng chí, đồng bào, làm tròn nhiệm vụ người lao động, người công dân. Những lời dạy của Bác Hồ có sức gợi mở khôn cùng.

(1) Hồ Chí Minh - *Bản về công tác giáo dục*, NXB Sự thật 1972 - tr.106-107.

BÁC THUYẾT MINH PHIM

Những năm còn ở chiến khu Việt Bắc, được xem phim là một niềm vui lớn. Đợt ấy, các đạo diễn điện ảnh vừa hoàn thành một bộ phim mới, mong muốn làm Bác vui lòng, cả đoàn mang phim đến chiếu ra mắt. Bác đã mời đạo diễn Các-men, lúc đó đang ở cùng chỗ để đi làm phim về Việt Nam đến xem.

Phim hay, ai cũng xúc động, Bác khen cả đoàn. Mọi người sung sướng ngồi quây quanh Bác, lúc bấy giờ Bác mới ôn tồn hỏi:

- Phim không có thuyết minh phải không các chú?

Cả đoàn làm phim lẫn tổ máy chiếu đều bối rối. Bấy giờ mọi người mới rõ vì sao trong buổi chiếu, thỉnh thoảng Bác lại quay sang đạo diễn Các-men nói điều gì.

Bác cười độ lượng:

- Làm được phim mới đem cho Bác xem là rất quý nhưng ở đây lại có cả khách nữa. Hôm nay Bác biết chút ít tiếng Nga nên thuyết minh lại cho đồng chí Các-men nghe, nếu không đồng chí làm sao hiểu hết phim của mình.



Câu chuyện nhỏ ấy đã truyền lại bao thế hệ người làm điện ảnh Việt Nam. Dù là việc rất nhỏ cũng không bao giờ được phép vội vàng, cầu thả.

Những anh chị trong đoàn năm ấy giờ người còn, người mất, đã ghi nhớ sâu sắc kỷ niệm về lần chiếu phim để Bác Hồ xem và Bác trở thành người thuyết minh “đột xuất”.

BÙI BÓN PHƯƠNG

NGƯỜI PHỤC VỤ NÀO Cũng được Bác Hồ gần gũi, Quý trọng, chăm lo...

Đến bây giờ ngành Hàng không Việt Nam vẫn coi tôi và chị Thu là hai tiếp viên đầu tiên của ngành.

Biết bao kỷ niệm của những ngày sơ khai ấy trên mỗi chuyến bay. Trong đó kỷ niệm sâu sắc nhất là lần gặp Bác đầu tiên, được phục vụ Bác suốt chuyến công tác sang nước bạn Trung Quốc.

Ngay từ khi được tin chuẩn bị đồ ăn uống phục vụ Bác trên chuyến chuyên cơ sang Trung Quốc, lòng tôi cứ lâng lâng xao động một niềm vui khó tả xen lẫn nỗi lo. Liệu mình có sơ suất gì không? Có làm Bác mất vui không?... Nhưng khi lên máy bay, ngồi bên Bác, được hỏi chuyện thì nỗi lo tan biến luôn. Ngồi bên Bác, bỗng nhiên tôi không còn nghĩ đến vị trí của mình là người phục vụ còn Bác là vị lãnh tụ tối cao của đất nước nữa. Qua cử chỉ, lời nói ân cần của Bác, tôi tự thấy mình như đứa cháu bên cạnh người ông, đứa con bên cạnh người cha thân thương. Bác hỏi thăm bố, mẹ, anh em, rồi hỏi về công việc của tôi:

- Cháu được học những trường nào rồi?

- Thưa Bác, cháu học lớp 8 trường Chu Văn An ạ. Cháu còn được học về công tác tiếp viên, kỹ thuật cấp cứu thông thường...

- Cháu học ngoại ngữ chưa?

- Thưa Bác, cháu mới học tiếng Anh hơn một năm nay ạ.

- Thế là tốt, cháu học như thế chưa đủ đâu. Phải tranh thủ vừa làm vừa học. Cần học nhiều ngoại ngữ. Việc học là suốt cả đời. Bây giờ Bác vẫn phải học.

Tôi ngồi đọc báo cho Bác nghe. Đọc xong, Bác hỏi:

- Cháu có hay hát không?

- Dạ, cháu cũng có hát ạ.

- Cháu thử hát Bác nghe...

Tôi lấy giọng, hát bài “Ca ngợi Hồ Chủ tịch”. Vừa hát được một đoạn ngắn, Bác ra hiệu ngừng lại. Bác hỏi:

- Thôi, cháu hát bài gì về miền Nam đi...

Tôi suy nghĩ một lát rồi nói:

- Cháu hát bài “Câu hò trên bến Hiền Lương” của Hoàng Hiệp ạ!

- Ồ, hay lắm, cháu hát đi.

Tôi hát xong, Bác lại khen hay. Tôi vui quá!

Đến Bắc Kinh, sáng nào Bác cũng dậy sớm đúng giờ. Sau khi uống cà phê và đọc báo, Bác dẫn cả đoàn

đi bách bộ quanh vườn. Bữa ăn ở nước bạn rất thịnh soạn, nhưng Bác vẫn thích món canh cà chua quê nhà. Tôi lại nấu canh cho Bác. Bữa nào Bác cũng gấp thức ăn cho tôi.

Buổi tối đầu tiên đến Bắc Kinh, Bác nhắc anh Vũ Kỳ gọi điện sang khách sạn hỏi tình hình sức khỏe và ăn nghỉ của anh em tổ lái.

Đến tham quan ở đâu, Bác cũng chủ động bảo tôi chuẩn bị kẹo đem theo để chia cho các cháu nhỏ.

Tại Vũ Hán, thiếu nhi tặng Bác chiếc khăn quàng đỏ. Về nhà, Bác tặng lại tôi và bảo:

- Cháu giữ lấy, sau này có con thì cho chúng quàng.

Làm theo lời Bác, hai đứa con tôi đến tuổi thiếu niên đều được quàng chiếc khăn đỏ ấy.

Bác lo nhiều việc lớn, nhưng Bác luôn luôn quan tâm đến từng việc nhỏ, đến mọi người, ngay cả những người phục vụ bên cạnh Bác.

NGUYỄN PHI PHUỘNG kể
ĐÀO VĂN SỬ ghi

ĐỜI SỐNG KHÁNG CHIẾN CỦA BÁC HỒ

... Tôi ở gần Bác từ đầu năm 1947 đến 1950. Tôi công tác ở cơ quan anh Nguyễn Lương Bằng, mà anh Bằng lại chịu trách nhiệm trông nom Bác, nên anh bảo tôi giúp đỡ thêm.

Bây giờ có chị Thanh nấu ăn cho Bác. Ở châu Tự Do, Bác ăn chung với anh em. Anh em ăn thế nào Bác ăn thế ấy, không hơn, không kém. Bát ăn thì đều là ống bương cưa ra, chẳng có bát sành bát sứ, sắt Tây tráng men gì đâu. Năm 1948, tôi thưa với Bác: “Bác đã có tuổi, ăn chậm hơn chúng cháu, Bác nên ăn riêng mà chúng cháu ăn riêng cũng tự do hơn”. Bác đồng ý nhưng chỉ có bày thức ăn riêng còn cơm vẫn là nồi cơm chung. Bác không chịu ngồi ăn riêng lấy cố ăn chung cho vui. Thức ăn dạo ấy chẳng có gì. Cao nhất là ít thịt chim chóc săn bắn, bày được kho mặn với muối để Bác ăn dần. Có lần tôi đến nhà máy Kiến Thiết xin riêng được cái khay bát đĩa sành về dọn cơm riêng cho Bác. Hôm đầu tiên bưng khay lên Bác bảo: “Cô bày ra thế này là quan cách lắm”... Bác không bao giờ chê ai nấu ăn dở, mặn, nhạt. Thường là Bác khen món này ngon, món kia ngon, mà đã

ngon thì chia đều cùng ăn. Kiếm được con gà nấu để Bác ăn, Bác nói: “Lộc bất tận hưởng - nghèo mà có lộc không nên ăn hết một mình”, rồi chia phần cho mọi người. Tôi dỡ mẻo, ninh gà mềm ra, nước đặc dành cho Bác, anh em ăn “cái”. Bác thích ăn đậm một chút, như cá kho, thịt kho. Bữa nào cũng hai bát, không hơn không kém.

Đêm nằm chõng tre, rét Bác cũng không chịu nằm đệm, chỉ đắp chiếc chăn nhuộm nâu cũ.

Công việc thì tự làm lấy, đánh máy lấy, tuy Bác cũng chỉ “mổ cò” thôi. Văn phòng Trung ương cử cậu Bằng sang đánh máy giúp Bác. Bác bảo “lãng phí”, rồi trả về. Nhà ở thì không có cửa chỉ có vây vách nửa xung quanh. Đêm hôm không ai canh gác. Năm 1950, đồng chí Lê-ô Phi-ghe, Trung ương Đảng Pháp cử sang gặp Bác, nói với chúng tôi: “Ai lại để ông Cụ ngủ mà không có người canh gác, gần rừng, thú dữ”. Chúng tôi báo cáo với Bác để tổ chức canh nhà Bác ngủ. Bác nói: “Làm thế không được. Ai lại bắt người canh cho người ngủ”. Chúng tôi bí mật làm. Rồi cũng lộ, phải cầu cứu các anh ra quyết nghị Bác mới thôi. Trừ việc nấu cơm là Bác không được làm, còn việc gì Bác cũng tự làm lấy. Có cuộc họp của Trung ương, Bác bảo các đồng chí ấy ra suối rửa mặt, Bác bảo: “Tự túc, tự lập”. Quần áo thì nhuộm nâu, nhuộm chàm như dân. Bao nhiêu vải đẹp lụa là các đoàn thể, cá nhân kính biếu, Bác đều làm quà tặng hết. Ốm đau, Bác rất ngại uống thuốc. Có lần, đang đi công tác bị



đau cột sống không đứng được anh em phải cáng về. Bác không cho báo bác sĩ. Bác bảo tôi đun lá ngải cứu với nước tiểu để chườm. Thế là khỏi. Anh Thanh phê bình: “Người ta bảo Bác chủ quan lắm”, Bác hỏi lại: “Làm Chủ tịch nước không chủ quan à?”. Sau đó, anh Thanh kiếm cơ hay sang chỗ Bác để kiểm tra tình hình sức khỏe Bác. Biết ý anh Thanh đến là Bác chặn ngay: “Bác sĩ muốn gì?”... Thế là anh Thanh phải nói lảng đi: “Đến thăm Bác...”.

NGUYỄN VIỆT HỒNG

(Ghi theo lời kể của bà VƯƠNG MINH PHƯƠNG.

Những năm Bác Hồ hoạt động ở Côn Minh,
Trung Quốc thường lui tới gia đình bà)

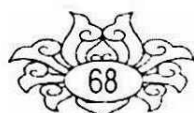
BÁC ĐẾN!

Sau khi tham dự và kết thúc thắng lợi chiến dịch Trần Hưng Đạo 1950, chúng tôi gồm Nguyễn Tăng Tấn và Nguyễn Uyên được Bộ Tư lệnh Đại đoàn 304 giao nhiệm vụ phụ trách đoàn đi trước của Đại đoàn 304 lên Cao Bắc Lạng để tiếp nhận vũ khí trang bị thống nhất cho Đại đoàn. Trong dịp này, một vinh dự lớn và một kỷ niệm sâu sắc nhất là lần đầu tiên chúng tôi được gặp Bác Hồ.

Giữa khu rừng cà phê cạnh cây số 5 lên Tuyên Quang, cán bộ, chiến sĩ Đại đoàn 304 đã tập hợp chỉnh tề theo hình chữ U.

Giây phút chờ đợi, hồi hộp, bất ngờ Bác Hồ xuất hiện từ cửa rừng, dáng đi thoăn thoắt, nhẹ nhàng. Không ai bảo ai, mọi người vui sướng reo vang: Bác Hồ! Bác Hồ!... Bác Hồ muôn năm! Bác Hồ muôn năm! Miệng hô, chân nhích, cả đội hình quây chặt khấn đài nhỏ kết lá rừng. Người nào cũng muốn thật gần Bác để được nhìn Bác, để nghe Bác nói... Bác nhìn bao quát hàng quân, khoan thai hỏi:

- Các chú có khỏe không? Hôm nay là Cha đến thăm con, Bác đến thăm cháu, không riêng là Chủ tịch nước tới thăm bộ đội.



Cả hàng quân ánh mắt sáng ngời, vô cùng kính mến, xúc động cung sướng, có nhiều người lần đầu tiên được gặp Bác Hồ, nước mắt trào ra trong mừng vui.

Lời Bác sao mà ấm cúng thân thương, thúc giục lòng người, chứa đựng lòng nhân hậu bao la, tình thương yêu vô bờ bến của Người đối với bộ đội.

Bác nói về tình hình trong nước, thế giới. Bác nói và giảng giải ý nghĩa việc Đảng ta ra công khai lãnh đạo cuộc kháng chiến trường kỳ và lấy tên Đảng Lao động Việt Nam. Bác nhắc lại nhiệm vụ của Đại đoàn 304 sắp tới. Bác căn dặn: Các chú đánh giặc phải biết mình, biết giặc mới thắng! Không được chủ quan.

Cuối cùng, Bác bảo: Giờ Bác nói xong rồi, ai muốn hỏi gì thì hỏi, Bác trả lời.

Surg sướng và cũng bất ngờ, nhưng thật kỳ lạ, trước đó ai cũng mơ ước được gặp Bác, được nghe và được phép hỏi Bác, dù chỉ một câu, vậy mà lúc này chẳng có người nào biết kịp hỏi câu gì, chỉ có mỗi một câu, ai nấy cùng hỏi:

- Thưa Bác, Bác có khoẻ không?

Bác cười hiền từ, chỉ vào ngực mình:

- Các chú cứ trông Bác thì biết thôi!

Cả Đại đoàn cười vang. Bác bảo tất cả cùng hát bài “Kết đoàn”. Khi cả khối người cùng vang lên tiếng hát thì cũng là lúc Bác bước xuống bục ra về. Cả Đại



đoàn trông theo Người với lòng thành kính yêu thương vô hạn, muốn chạy theo Bác.

Đại đoàn tiếp tục hành quân và mọi người đều rất cảm động khi được biết Bác đã đến thăm Đại đoàn bằng ngựa, trước lúc bộ đội đến từ tối hôm trước.

Nơi Bác tạm nghỉ là một căn nhà nửa đơn vị dựng nhanh trong rừng, để kịp đón Bác.

Bác đã đến tận chỗ anh em nuôi quân lấy trong túi ra một quả cam, đưa cho một chiến sĩ nấu cơm... Bác bảo: “Anh nuôi vất vả nhiều đấy. Bác thưởng cho các chú”. Sớm hôm sau trời mưa. Đang làm việc. Bác nói đồng chí Chính uỷ Đại đoàn: “Chú Quang đâu, ra xem bộ đội có ướt không? (Chú Quang bây giờ là thượng tướng Trần Văn Quang, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam).

Năm 1953, cũng tại Việt Bắc, các cán bộ Đại đoàn còn được một lần vinh dự gặp Bác trên đường đi chiến dịch. Bác ân cần hỏi tên từng người trong đoàn rồi trao cho đồng chí Trương Công Cán chiếc gậy bằng sông lá cọ: “Cho chú cái gậy này mà hành quân”, rồi dặn mọi người phải chú ý giữ gìn sức khoẻ để chiến thắng.

Đại tá NGUYỄN VĂN TÁN



BÁC HỒ VỚI ĐOÀN ĐẠI BIỂU NAM BỘ

Tháng 2-1949, Đoàn đại biểu Nam Bộ lên đường từ căn cứ Đồng Tháp Mười ra Việt Bắc dự Đại hội lần thứ hai của Đảng.

Chúng tôi vượt Trường Sơn, lòng tràn đầy phấn khởi và tin tưởng. Trong đoàn có hai chị. Các chị còn khó khăn hơn chúng tôi nhiều, nhưng các chị tự khắc phục rất giỏi và đi đến đích vui vẻ, khoẻ mạnh.

Đến Việt Bắc, Đại hội hoãn vì Trung ương bận lo tập trung chỉ đạo chiến dịch giải phóng biên giới. Mãi đến tháng 2 năm 1951, Đại hội mới tiến hành.

Đoàn chúng tôi tham gia Đại hội đông đủ và sau này còn bổ sung nhiều anh chị em Nam Bộ ra tiếp và một số anh chị em báo chí đi nước ngoài về.

Vui mừng và tự hào biết mấy khi được gặp Bác Hồ và càng phấn khởi khi Bác cho chụp hình cùng với Bác. Hôm ấy, nhóm cán bộ Đảng và Dân vận chúng tôi được chụp với Bác khá đông đủ: có chị Nguyễn Thị Phương (Ủy viên Ban Chấp hành Phụ nữ Cứu quốc Nam Bộ); chị Xuân Hồng (đã mất); anh Nguyễn Thọ Chân (nguyên Phó Bí thư Thành uỷ Sài Gòn - Chợ



Lớn). Bên cạnh Bác, anh Hà Huy Giáp (nguyên Thường vụ Xứ uỷ Nam Bộ, phụ trách Dân vận); anh Trần Xuân Độ (nguyên Bí thư tỉnh Bà Rịa); anh Trần Văn Đại (nguyên Thường vụ Khu uỷ Khu 9, phụ trách Dân vận Khu 9); anh Võ Hoàng Thạch (nguyên Uỷ viên Ban Chấp hành Thanh niên Công giáo Nam Bộ); anh Nguyễn Lưu (nguyên Uỷ viên Ban Chấp hành Tổng công đoàn Nam Bộ); anh Lê Trọng Tam (Kỳ uỷ Đảng Dân chủ, chồng chị Lê Thị Riêng, đã mất); anh Nguyễn Kim Bằng, tức Năm Nam (nguyên Uỷ viên Ban Chấp hành Liên đoàn Thanh niên Nam Bộ, phụ trách thanh niên học sinh Sài Gòn) và anh Việt (nguyên Uỷ viên Ban Chấp hành Thanh niên Dân chủ Nam Bộ)...

Bác tươi cười căn dặn Đoàn Nam Bộ giữ gìn sức khoẻ vì thời tiết, khí hậu Việt Bắc rất khác Nam Bộ và thường nhắc nhở anh chị em phục vụ chăm lo sức khoẻ cho Đoàn. Bác hỏi thăm tỉ mỉ tình hình Nam Bộ lúc bấy giờ và phê bình chúng tôi: “Sao các cô, các chú lại đưa các nhân sĩ nổi tiếng như bác sĩ Nguyễn Văn Hưởng, Độc phủ sứ Phan Văn Chương v.v... ra vùng tự do? Một lời nói phản đối chế độ thực dân của các nhân sĩ ấy có ảnh hưởng cho kháng chiến hơn cả một tiểu đoàn đánh vào đô thị”.

Sau thắng lợi của ta ở Việt Bắc, tháng 1 năm 1948, Trung ương nhận định rằng: “Tương quan lực lượng giữa ta và địch đã thay đổi. Khả năng kháng chiến của ta ngày càng tăng”.



Lúc bấy giờ ở Nam Bộ, phong trào du kích chiến tranh lên mạnh, vùng giải phóng mở rộng, công tác tuyên truyền có điều kiện phát triển khắp mọi nơi, lan cả vào vùng tạm bị chiếm, vào các đô thị. Công tác đời sống mới, phong trào văn nghệ, bích báo, thể thao, đánh trận giả... trở thành cao trào thi đua ái quốc, công tác tuyên truyền huấn luyện trở thành sinh hoạt của quân chúng. Tất cả những hoạt động ấy tác động đến nhân dân ở vùng tạm chiếm, ở các đô thị, đặc biệt đối với các nhân sĩ trí thức. Với lòng yêu nước sẵn có, các tầng lớp trí thức, học sinh tự nguyện thoát ly gia đình theo cách mạng, quyết tâm đem sự hiểu biết của mình hiến dâng cho cách mạng.

Trường hợp bác sĩ Nguyễn Văn Hưởng, Đốc Phủ sứ Phan Văn Chương... là điển hình. Lời Bác phê bình là đúng. Nếu dưới sự kiềm kẹp của địch, mà họ bí mật hoạt động cho cách mạng được thì quý biết bao, nhưng họ vào vùng “tự do” cũng giúp cho kháng chiến nhiều việc rất hay.

Bác quay sang tôi và nói:

- Nghe nói chú Hà (Hà Huy Giáp) tuyên truyền cho ông đạo Đắc (đạo Hiếu Nghĩa) bỏ đạo, phải không? Khi ông ta đã giác ngộ cách mạng, thì một lời nói của ông ấy có tác dụng gấp mười buổi lên lớp của chú.

- Thưa Bác, tôi nhất trí với Bác và tôi cũng ngạc nhiên khi biết ông đạo Đắc bỏ đạo. Những lớp tôi



huấn luyện là mở cho anh chị em cán bộ, đảng viên ta. Ông Đắc chèo ghe đến ngồi nghe rồi lần lần ông giác ngộ cách mạng, bỏ đạo. Phải chi lúc ấy Tỉnh uỷ Long Châu Hà cùng bàn với ông giác ngộ tín đồ đạo Hiếu Nghĩa theo cách mạng thì lợi biết bao nhiêu.

Bác còn nói, rừng Việt Bắc rất dày, nhưng Nam Bộ có rừng người còn vững chắc hơn nhiều. Nếu các cô, các chú hoạt động giỏi thì nhất định thắng to!.

HÀ HUY GIÁP

CHUYẾN ĐI LIÊN XÔ, TRUNG QUỐC ĐẦU NĂM 1950 CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

Đầu năm 1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh bí mật sang thăm không chính thức Trung Quốc, Liên Xô. Ấy là sự kiện lớn, có quan hệ nhiều mặt đến cách mạng Việt Nam.

Cuối năm 1949, trước những thay đổi to lớn của tình hình quốc tế, một lần nữa Chủ tịch Hồ Chí Minh lại chuẩn bị cho chuyến ra nước ngoài của mình. Đây là chuyến đi thứ tư kể từ khi Người về nước, trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Mục tiêu cơ bản là phát triển ngoại giao, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của Liên Xô, Trung Quốc và bạn bè quốc tế, nhằm đẩy nhanh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đưa cách mạng Việt Nam nhập vào trào lưu thời đại.

Vấn đề tiên quyết là phải liên lạc và thông báo cho Ban lãnh đạo nước Trung Hoa mới về yêu cầu của chuyến đi. Qua một cán bộ cao cấp Việt Nam hoạt động ở vùng Triều Châu, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi cho Thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai bức thư. Thủ tướng Chu Ân Lai đã nhận được bức thư



này⁽¹⁾. Công việc chuẩn bị được chính Người xúc tiến tích cực.

Theo số liệu thống kê của chúng tôi, để giữ bí mật, đảm bảo an toàn cho chuyến đi Người đã viết trước hàng chục bài báo, thư từ, lời kêu gọi... ký sẵn trên ba mươi sắc lệnh để các đồng chí trong nước phối hợp, công bố dần trong thời gian Người đi công tác⁽²⁾. Trước ngày lên đường, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ thị cho đồng chí Võ Nguyên Giáp viết bản báo cáo về tình hình quân sự để Người mang theo⁽³⁾. Ngày 29-12-1949, Bộ trưởng Tài chính Lê Văn Hiến đã trao 50 đồng tiền vàng trong số 200 đồng tiền vàng đầu tiên do Sở đúc tiền của nước ta đúc, để Người làm quà tặng trong chuyến đi công tác⁽⁴⁾.

Ngày 1-1-1950, theo chỉ thị của Người, đồng chí Lâm Cẩm Như (bí danh Lâm Kính) cùng hai cán bộ quân đội: Lê Phát (bảo vệ, phiên dịch) và Ngô Vi Thiên (điện đài) lên đường làm nhiệm vụ tiền trạm⁽⁵⁾.

Ngày 2-1-1950, phái đoàn tập trung tại Phủ Chủ tịch đóng ở châu Tự Do (Tuyên Quang). Trước khi đi,

(1) Bích Ngọc: *Nhớ lại vài hoạt động ngoại giao của Bác Hồ với Trung Quốc*, Tạp chí *Quan hệ quốc tế*, số 7, tháng 5-1990, tr.7.

(2) *Hồ Chí Minh biên niên sử*, NXB Chính trị Quốc gia, 1.1994, T4, tr. 393-415.

(3) Võ Nguyên Giáp: *Chiến đấu trong vòng vây*, NXB Quân đội Nhân dân - NXB Thanh niên, tr.408, 411, 412, 413, 410.

(4), (5) Nguyễn Hoàng Tửu - Trần Thị Hiền: *Xung quanh sự kiện Chủ tịch Hồ Chí Minh sang thăm Liên Xô cuối năm 1949 đầu năm 1950*. Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 18-19, năm 1987, tr.7475.

Chủ tịch Hồ Chí Minh gặp riêng một số đồng chí để dặn dò và giao nhiệm vụ trong thời gian Người ra nước ngoài⁽¹⁾. Buổi chiều, Người rời Phủ Chủ tịch, bắt đầu cuộc hành trình bí mật sang thăm không chính thức Trung Quốc, Liên Xô. Cùng đi với Người có đồng chí Trần Đăng Ninh (đóng vai trưởng đoàn), bác sĩ Chánh và đồng chí Nhất (cảnh vệ)⁽²⁾.

Cuộc hành trình hết sức nguy hiểm. Phái đoàn vượt qua biên giới Việt - Trung, khu vực quân viễn chinh Pháp còn đang chiếm đóng dày đặc. Phía bên kia biên giới, tàn quân Tưởng và các lực lượng ô hợp khác có mặt nhiều nơi trong tỉnh Hoa Nam. Phái đoàn phải đi bộ, đi bằng ngựa qua rừng núi. Từ Phúc Hoà (Cao Bằng) sang chợ Thuỷ Khẩu (Trung Quốc), phái đoàn gặp bộ phận tiền trạm của đồng chí Lâm Cẩm Như. Ngày 19-1-1950 đoàn đến Long Châu (Quảng Tây, Trung Quốc). Về sự kiện này, nhà sử học Trung Quốc, Hoàng Tranh viết: “Đó là một ngày sau Tết Nguyên đán năm Canh Dần. Hồ Chí Minh từ huyện Phúc Hoà, tỉnh Cao Bằng, Việt Nam sang chợ Thuỷ Khẩu, huyện Long Châu, Quảng Tây... Quân khu Quảng Tây, Giải phóng quân nhân dân Trung Quốc phái một trung đội vũ trang đến Thuỷ Khẩu

(1) Hoàng Quốc Việt: *Con đường theo Bác*, NXB Thanh niên, II.1990, tr.262-266.

(2) Nguyễn Hoàng Tửu - Trần Thị Hiền: *Xung quanh sự kiện Chủ tịch Hồ Chí Minh sang thăm Liên Xô cuối năm 1949 đầu năm 1950*. Tạp chí Lịch sử Đảng, số 18-19, năm 1987, tr.74-75.

ngênh đón và hộ tống Chủ tịch Hồ Chí Minh vào thị trấn... Tối hôm đó, Người ngủ ở Bộ Tư lệnh phân khu Long Châu giải phóng quân⁽¹⁾. Sáng ngày 20-1-1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh đi ô tô đến Nam Ninh, nghỉ tại Kim Sơn Tử Diêm. Ngày hôm sau, Người đi ô tô đến Lai Tân và tiếp tục đến Bắc Kinh bằng tàu hỏa⁽²⁾.

Khi đến Bắc Kinh, Chủ tịch Hồ Chí Minh được Thủ tướng Chu Ân Lai đón tiếp nồng hậu. Về danh nghĩa, đây là phái đoàn của Trung ương Đảng ta sang thăm Đảng Cộng sản Trung Quốc. Trong các cuộc hội đàm, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thông báo về đường lối cách mạng Việt Nam, về tình hình cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ của Ban lãnh đạo Trung Quốc⁽³⁾. Phía Trung Quốc cho rằng trước đây chưa có điều kiện giúp đỡ cách mạng Việt Nam; từ nay sẽ hết sức chi viện cho kháng chiến của ta; đồng thời khuyên Việt Nam kiên trì kháng chiến lâu dài⁽⁴⁾.

Theo đề nghị của ta, Trung Quốc đã điện báo cho

(1), (2) Hoàng Tranh: *Hồ Chí Minh với Trung Quốc*, NXB Sao mới, Quảng Đông, Trung Quốc, 1990, bản tiếng Việt, tr.219-220.

(3) Viện quan hệ quốc tế - Bộ Ngoại giao: *Chủ tịch Hồ Chí Minh với công tác ngoại giao*, NXB Sự thật, H.1990, tr.134. Có tài liệu nói rằng khi tới Trung Quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gặp gỡ và làm việc với Chủ tịch Mao Trạch Đông. Theo chúng tôi sự kiện này khó xảy ra vì ngày 16-12-1949, Chủ tịch Mao Trạch Đông đã sang thăm chính thức Liên Xô, chuẩn bị cho Hiệp ước hữu nghị đồng minh tương trợ Xô - Trung (14-2-1950).

(4) Võ Nguyên Giáp: *Chiến đấu trong vòng vây*, NXB Quân đội Nhân dân - NXB Thanh niên, tr.408, 411, 412, 413, 410.

Nguyên soái Xtalin về sự có mặt của Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Bắc Kinh và ngỏ ý muốn sang Liên Xô để trực tiếp thông báo về tình hình cách mạng Việt Nam. Đồng chí Xtalin mời Chủ tịch Hồ Chí Minh sang thăm không chính thức Liên Xô⁽¹⁾.

Ngày 3-2-1950, với bí danh là “Đại Hổ” và “Tiểu Hổ”, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Thủ tướng Chu Ân Lai đáp tàu hoả đi Matxcơva. Đồng chí Trần Đăng Ninh đi theo Người⁽²⁾.

Tới Matxcơva, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã làm việc với các đồng chí trong Ban lãnh đạo Liên Xô, Trung Quốc như Xtalin, Mólôtốp, Kazanôvích, Khorútsốp, Mao Trạch Đông, Chu Ân Lai...⁽³⁾. Khi được thông báo về tình hình Việt Nam, Xtalin đã đồng ý với đường lối chiến lược, sách lược của Đảng ta. Song cũng tỏ ý muốn Việt Nam phải nhanh chóng làm cách mạng ruộng đất. Về quân sự, Xtalin khuyên Việt Nam nên chú trọng toàn bộ vùng rừng núi phía tây, nắm được vùng đó, sẽ nắm được quyền làm chủ đất nước⁽⁴⁾, đồng thời thoả thuận với Trung Quốc một số giải pháp nhằm hỗ

(1) Bộ Ngoại giao: *Đấu tranh ngoại giao trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân (1945-1954)*, lưu hành nội bộ, H.1976, tr.34.

(2) Nguyễn Hoàng Tựu - Trần Thị Hiền: *Xung quanh sự kiện Chủ tịch Hồ Chí Minh sang thăm Liên Xô cuối năm 1949 đầu năm 1950*. *Tạp chí Lịch sử Đảng*, số 18-19, năm 1987, tr.74-75.

(3), (4) Võ Nguyên Giáp: *Chiến đấu trong vòng vây*, NXB Quân đội Nhân dân - NXB Thanh niên, tr.408, 411, 412, 413, 410.

trợ cho cách mạng Việt Nam⁽¹⁾. Trước mắt, Liên Xô sẽ viện trợ cho Việt Nam một trung đoàn pháo xạ 37 ly, một số xe vận tải Môlôôva, thuốc và dụng cụ quân y. Phía Trung Quốc sẽ chịu trách nhiệm vận chuyển hàng viện trợ của Liên Xô cho Việt Nam; sẽ trang bị vũ khí cho một số đại đoàn bộ binh, một đơn vị pháo binh; sẽ cử một số cán bộ có kinh nghiệm sang làm cố vấn quân sự, cũng như kinh nghiệm về phát động quần chúng tiến hành cải cách ruộng đất⁽²⁾.

Ngày 16-2-1950, nhận lời mời của Ban lãnh đạo Liên Xô, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tới dự buổi chiêu đãi trọng thể tại điện Kremlin do Xtalin tổ chức để chào mừng “Hiệp ước hữu nghị tương trợ đồng minh Xô - Trung” vừa ký kết⁽³⁾.

Trong những ngày lưu lại tại Matxcova, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành thời gian gặp gỡ đại diện Đảng cộng sản Pháp và nhiều tổ chức quốc tế khác để tranh

(1) Hoàng Tranh: *Hồ Chí Minh với Trung Quốc*, NXB Sao mới, Quảng Đông, Trung Quốc, 1990, bản tiếng Việt, tr. 219, 220.

(2) Võ Nguyên Giáp: *Chiến đấu trong vòng vây*, NXB Quân đội Nhân dân - NXB Thanh niên, tr.408, 411, 412, 413, 410.

(3) Mai Hương: *Hồ Chí Minh và Xtalin*, *Tạp chí Quan hệ quốc tế*, số 12-1990, tr.26. Nếu loại trừ yếu tố “huyền thoại” trong bài viết này, chúng ta còn có thể tiếp thu thêm một thông tin quan trọng nữa.

Đó là việc Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khéo léo gợi ý với Xtalin về tương lai của quan hệ Việt - Xô. Có thể thấy đó là mối quan hệ *hữu nghị, tương trợ và đồng minh* trên cơ sở một hiệp ước có hiệu lực như Hiệp ước Xô - Trung vừa ký kết.

thú sự đồng tình và ủng hộ của họ với cách mạng nước ta⁽¹⁾.

Ngày 4-3-1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh trở lại Bắc Kinh và lưu lại đó một tuần.

Tối ngày 11-3-1950, Người lên tàu hoả về nước. Trên đường về, Người đã sáng tác năm bài thơ chữ Hán có đầu đề: “Ly Bắc Kinh”, “Quá Hồ Bắc”, “Thập tam tảo, quá Trường Sa”, “Ngộ quá Thiên Giang”, “Cận Long Châu”.

Hạ tuần tháng 3-1950, Người tới biên giới Trung - Việt. Ngày 2-4-1950, Người về đến Bắc Kạn. Sau khi gặp gỡ và làm việc với Ban lãnh đạo tỉnh, Người về An toàn khu bằng xe tải⁽²⁾. Tới Quán Vuông (đường Bắc Kạn - Thái Nguyên), đoàn gặp đồng chí Võ Nguyên Giáp cùng một số đồng chí trong cơ quan Bộ Tổng tư lệnh ra đón. Nghỉ lại đây một hôm, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kể vắn tắt chuyến đi công tác tại Trung Quốc, Liên Xô của Người. Hôm sau, Người về sớm để chuẩn bị cho phiên họp Thường vụ Trung ương Đảng⁽³⁾.

Ngày 6-4-1950, tại phiên họp của Thường vụ

(1) Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Sự nghiệp và tư tưởng quân sự của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Quân đội Nhân dân, H.1990, tr. 149.

(2) Nguyễn Hoàng Tửu - Trần Thị Hiền: *Xung quanh sự kiện Chủ tịch Hồ Chí Minh sang thăm Liên Xô cuối năm 1949 đầu năm 1950*. *Tạp chí Lịch sử Đảng*, số 18-19, năm 1987, tr. 74-75.

(3) Võ Nguyên Giáp: *Chiến đấu trong vòng vây*, NXB Quân đội Nhân dân - NXB Thanh niên, tr. 408, 411, 412, 413, 410.



Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chính thức thông báo tình hình và kết quả chuyến đi của Người, đồng thời nghe Thường vụ Trung ương báo cáo tình hình trong nước từ sau Hội nghị toàn quốc lần thứ ba của Đảng⁽¹⁾.

Chuyến đi bí mật đầy gian lao, nguy hiểm, song cũng hết sức mưu lược, tài trí của Chủ tịch Hồ Chí Minh kết thúc tốt đẹp. Nghiên cứu chuyến đi này, chúng tôi có một vài suy nghĩ:

Đây là sự phối hợp tuyệt vời trong hoạt động ngoại giao của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và Nhà nước ta. Nếu như với tuyên bố ngày 14-1-1950, Chính phủ ta đã giành được sự công nhận về mặt Nhà nước của Trung Quốc, Liên Xô và các nước khác trong phe xã hội chủ nghĩa, thì chuyến đi ngày 2-1-1950 của Chủ tịch Hồ Chí Minh có tác dụng thúc đẩy các quan hệ đó phát triển toàn diện, vững chắc và hiệu quả hơn.

Trong chuyến đi này, đứng ở cương vị mới, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã làm cho Liên Xô, Trung Quốc hiểu rõ hơn thực chất của cách mạng Việt Nam và sự uyển chuyển của đường lối chiến lược và sách lược của Đảng Cộng sản Đông Dương trong tiến trình Cách mạng tháng Tám và kháng chiến chống thực dân Pháp, góp phần làm cho bạn bè quốc tế nhận

(1) Hoàng Quốc Việt: *Con đường theo Bác*, NXB Thanh niên, H.1990, tr. 262-266.

thức rõ hơn về cách mạng Việt Nam. Nhờ đó đã đẩy lên phong trào ủng hộ cách mạng Việt Nam ngày càng lan rộng, đưa nước ta lên vị thế mới trên trường quốc tế. Sự ủng hộ của các nước trong phe xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là viện trợ của Liên Xô, Trung Quốc, có ý nghĩa tinh thần và vật chất to lớn đối với cuộc kháng chiến chống Pháp. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “... *Mấy năm kháng chiến đã đưa lại cho nước ta một cuộc thắng lợi to nhất trong lịch sử Việt Nam, tức là hai nước lớn nhất trên thế giới - Liên Xô và Trung Quốc dân chủ và các nước dân chủ đã thừa nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là một nước ngang hàng trong đại gia đình dân chủ thế giới...*

Chắc rằng cuộc thắng lợi chính trị ấy sẽ là *cái đà cho những thắng lợi quân sự sau này*”⁽¹⁾.

Chuyến đi của Người thể hiện đường lối đối ngoại trước sau như một của Đảng ta, phản ánh xu thế phát triển tất yếu của cách mạng Việt Nam. Bằng lộ trình Việt Bắc - Bắc Kinh - Matxcova và tài ngoại giao xuất chúng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thiết lập được mối quan hệ tay ba Việt - Xô - Trung, một mối quan hệ chiến lược, có ảnh hưởng to lớn và thường xuyên đến cách mạng Việt Nam trong nhiều thập kỷ sau đó.

Chuyến đi này cũng chứng tỏ, trong quan hệ

(1) *Hồ Chí Minh toàn tập*, Sự thật, H.1985, T.5, tr.411

quốc tế việc đi thăm chính thức, không chính thức, thăm cá nhân hay tiếp xúc bí mật... là việc thường thấy trong hoạt động ngoại giao. Song ở mỗi thời đoạn lịch sử cụ thể, việc lựa chọn phương án sao cho hoạt động ngoại giao đạt được hiệu quả cao nhất, thực chất là vấn đề có tính nghệ thuật. Mặc dù đây là chuyến đi ngoại giao không chính thức, song Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ghi vào lịch sử quan hệ quốc tế của Đảng và Nhà nước ta một mẫu mực tuyệt vời về việc chủ động lựa chọn giải pháp và việc phối hợp các hoạt động trong công tác ngoại giao.

BÁC HỒ HỎI CHUYỆN TÙ BINH PHÁP

Ngay sau chiến thắng Biên giới 1950, Bác Hồ cải trang làm một cán bộ mới bị thương, vài băng che râu tóc, đến hỏi chuyện ba tù binh sĩ quan “có hạng” bị giam giữ ở một hang đá. Người hỏi ý: Việt Nam càng đánh càng thắng. Pháp càng đánh càng thua, sau thất bại ở Đông Khê - Thất Khê quân Pháp nghĩ gì? Quan tư thầy thuốc Duy-rít tỏ vẻ chán ngấy chiến tranh và hối hận vì hành động của mình. Sác-tông lúc đầu tỏ vẻ rất ngoan cố, cậy quân Pháp rất mạnh, lại còn than phiền vì râu không được cạo, giày không được đánh bóng. Bác không để ý thái độ ngông cuồng ấy, chỉ nói về cục diện chiến cuộc và cuối cùng y phải thừa nhận: Pháp sang xâm lược là phi nghĩa, Pháp sẽ thua, Việt Nam sẽ thắng. Lúc Bác ra về, Sác-tông nói: “Như thái độ của ông thì tôi có thể nói chuyện, còn các cán bộ trẻ của các ông, làm sao thuyết phục nổi tôi”.

Viên trung tá Lơ-pa-giơ nghe Bác hỏi chuyện Sác-tông thì hờ hững. Y đưa mắt ra cửa hang, nhìn những đoàn dân công của ta kìn kìn mang vác, tải

đạn, tải gạo, y nói với Bác giọng buồn bã: “Tôi nhận ra, đó là lực lượng đã làm cho phía các ông thắng lợi”.
Bác Hồ bảo Lơ-pa-giơ: “Ông nói đúng. Đó chính là lực lượng đã làm cho các ông thất bại”.

S.H (sưu tầm)



TÔI CHỤP ẢNH BÁC HỒ TẠI TIỀN PHƯƠNG CHIẾN DỊCH BIÊN GIỚI

Sau những ngày Hồ Chủ tịch đích thân đi thị sát tiền tuyến, giúp đỡ Bộ chỉ huy chiến dịch Cao - Bắc - Lạng, động viên bộ đội, dân công, thăm hỏi thương binh, giác ngộ tù binh, Người đã tới đôi theo Hội nghị tổng kết mặt trận.

Trong số cán bộ và chiến sĩ lập công, có ba anh chỉ huy trẻ cùng tên Dũng: Thái Dũng, trung đoàn trưởng trung đoàn 8; Dũng Mã, tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn II (phối thuộc trung đoàn 36 do trung đoàn trưởng Hồng Sơn chỉ huy) và Thế Dũng, chính trị viên trung đoàn 102.

Bác ngỏ ý muốn được gặp “ba chú Dũng” tại lán của Bác lúc xế trưa 17-10-1950.

Không xa Sở chỉ huy tiền phương Lam Sơn (Cao Bằng), lán của Bác đóng trong một hẻm núi giữa hai lèn đá xanh um, bên cạnh lán là ba luống rau cải trong đó có một luống đã tĩa hái hết, trên đó có một cây sào nửa căng những dây điện thoại đã chiến. Cây mận hậu tốt lá và những ba-lô, mũ cứng ngụy

trang... chúng kiến Bác cùng Đại tướng Võ Nguyên Giáp lắng nghe đồng chí Thái Dũng và Dũng Mã (đã đến trước) báo cáo diễn biến một trận đánh.

Bác khen: hai “Dũng” đánh giặc giỏi, tên xứng với người.

Chờ mãi không thấy Thế Dũng đến, Bác cho phép tôi chụp ảnh, kéo đã xề bóng. Sau gần 44 năm, bức ảnh ấy được ra mắt công chúng.

Tháng 5-1985, trong chuyến hành hương cùng một đoàn cán bộ Cao Bằng, tôi đã được trở lại thăm di tích Lán - Cửa - Bác. Giữa hai lèn đá vẫn xanh đẹp, uy nghiêm, cây mạn hậu sum suê hơn xưa chứng giám tấm lòng thành của chúng tôi thắp tâm hương tưởng niệm Người.

VŨ NĂNG AN



BÁC HỒ ĐI CHIẾN DỊCH

Lúc đó là vào khoảng 10 giờ sáng, cuối thu năm 1950. Trên đài quan sát mặt trận Đông Khê, bốn chiến sĩ trinh sát chúng tôi đang khẩn trương làm việc thì từ đầu dây liên lạc bên kia vang lên giọng nói chắc gọn của đồng chí Cao Pha, Cục phó Cục Quân báo.

- Đồng chí Chúc, về ngay chỉ huy sở, có việc cần!

Tôi nhanh chóng bàn giao công việc cho anh em, rồi vừa đi vừa chạy như bay về sở chỉ huy mặt trận.

Vừa về tới phòng tác chiến, tôi đứng nghiêm, giao tay chào và hết sức bất ngờ nhìn thấy Bác Hồ đang cùng với các đồng chí Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp, Tổng Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái, các đồng chí Cục trưởng Cục Tác chiến, Cục Hậu cần, Cục Binh vận, Cục Quân báo, ngồi xung quanh một cái bàn lớn ở giữa phòng, trên bàn có trải tám bản đồ.

Sau khi trao đổi tình hình, Bác xem đồng hồ, đứng dậy và hướng về phía tôi nói:

- Đến giờ rồi, ta đi thôi! Chú là chủ, mời chú đi trước.

Anh Cao Pha đưa cho tôi chiếc bi đông và dặn: Cậu dẫn Bác lên đài quan sát. Đây là nước của Bác, cậu mang đi. Nhớ là phải cẩn thận đấy nhé!



Ra khỏi sở chỉ huy mặt trận độ mười bước, Bác trùm thêm một chiếc khăn mặt bông to nhưng đã cũ lên đầu, rồi lấy kim băng cài lại để che kín bộ râu.

- Thưa Bác, sắp phải leo lên núi đá tai mèo rồi, Bác cởi dép đưa cháu cầm.

- Không cần, chú cứ để mặc Bác - Người vừa hươ hươ tay, vừa nói như vậy. Rồi Bác cúi xuống cầm dép lên nhét ngay vào thắt lưng.

Đến một chỗ có thể đứng tạm, cả bốn Bác cháu cùng nghỉ. Tôi mời Bác uống nước cho đỡ mệt. Bác chỉ uống một ngụm rồi đưa lại cho anh em.

Leo tiếp một đoạn dốc núi đá như thế nữa thì đến đài quan sát. Tôi mời Bác ngồi vào vị trí của người quan sát viên thứ nhất, nơi có hòn đá to, nhô cao lên như một chiếc ghế: rồi trải tấm bản đồ mặt trận Đông Khê bên cạnh Bác. Bác hết sức chăm chú dõi theo sự giới thiệu của tôi về các vị trí và tình hình mới nhất đang diễn ra trên mặt trận lúc bấy giờ. Thỉnh thoảng Bác dùng ống nhòm để nhìn rõ hơn các vị trí và các hướng tiến công của quân ta.

Độ hơn nửa giờ sau, có lẽ khi đó các mũi xung kích của bộ đội đã làm chủ được tình hình mặt trận, Bác quay lại vui vẻ nói với tất cả chúng tôi:

- Thấy các chú vất vả quá, Bác lên thăm các chú và quan sát tình hình mặt trận. Các chú phải hết sức giữ bí mật. Về đơn vị cũng không được nói là Bác đã đến đây.



- Vâng ạ! Tất cả chúng tôi đồng thanh đáp lại.

Bác ân cần bắt tay từng chiến sĩ trên đài, rồi cùng với 2 đồng chí lên ban này trở về sở chỉ huy.

Hoà bình lập lại. Vào một ngày chủ nhật cuối năm 1954, tôi có dịp đi xem cuộc triển lãm giới thiệu những thắng lợi mà nhân dân ta đã giành được trong cuộc kháng chiến chống Pháp, tổ chức ở chợ Đồng Xuân. Đang bị cuốn hút trong dòng người qua các phòng triển lãm, tôi vội đứng sững lại trước bức ảnh lớn treo trên tường, Bác Hồ đang ngồi trên đài quan sát mặt trận Đông Khê. Thật khó có thể diễn tả hết được tâm trạng của tôi lúc đó. Ôi đúng là Bác hôm đó và các đồng đội thân thiết của tôi kia rồi. Ai đã chụp bức ảnh lịch sử này? Về sau tôi được biết một trong hai người cùng đi với Bác lên đài quan sát hôm đó là nghệ sĩ - chiến sĩ nhiếp ảnh Vũ Năng An.

Giữa vòng người đông đảo đứng trước tấm ảnh quý này, tôi thấy có một cụ già, râu tóc bạc phơ, da dẻ hồng hào, quắc thước. Cụ mặc bộ quần áo bằng vải lụa, còn mới. Chắc cụ đã từ một miền quê nào đó ở ngoại thành ra thăm Thủ đô sau 8, 9 năm kháng chiến xa cách. Cụ chậm rãi gật gật cái đầu, tay phải chỉ vào bức ảnh, dường như là rất đặc ý, nói:

- Cờ đã đến lúc xuất tướng thế kia thì đánh trận nào mà chả thắng!

PHẠM SANG

(Theo lời kể của PHẠM CHUỐC, tức PHẠM THÁI KIÊN)



THU BÁC HỒ

GỬI CHO ĐẠI TÁ NGUYỄN DÂN (E. FRAY)

Đại tá Nguyễn Dân, gốc người Áo, tên chính là Ernest Fray.

Anh sinh sống ở Pháp, là đảng viên Đảng cộng sản Pháp, muốn vào đội quân tình nguyện, chiến đấu ở Tây Ban Nha, nhưng không được chi bộ đảng đồng ý. Bị đẩy vào đội quân thất nghiệp, không có tiền sống, anh phải xin vào lính lê dương ngày 5-10-1939 với nghĩa vụ 5 năm. Bị điều động sang Đông Dương, anh hoạt động bí mật trong quân đội Pháp và bắt liên lạc với Đảng Cộng sản Đông Dương trong những năm tháng đại khủng bố của đế quốc Pháp. Nhận chỉ thị của Ban binh vận của Trung ương Đảng do đồng chí Hoàng Văn Thụ phụ trách, anh bí mật vận động những binh sĩ có tinh thần dân chủ, chống phát xít, theo xu hướng Đờ Gôn, liên minh với cách mạng Việt Nam chống Nhật và bọn thực dân Pháp làm tay sai cho Nhật.

Sau ngày 9-3-1945, Fray cùng với những người Pháp bị Nhật bắt giam. Nhật đầu hàng Đồng minh, cách mạng Việt Nam giành được chính quyền, Fray ra khỏi trại giam. Anh rời bỏ quân đội Pháp, chuyển

sang hàng ngũ cách mạng Việt Nam, lấy tên Nguyễn Dân. Anh được Trung ương Đảng là Tổng quân uỷ quyết định trở lại hoạt động trong Quân đội nhân dân Việt Nam với quân hàm Đại tá, Phó tư lệnh Quân khu IV (Thiếu tướng Nguyễn Sơn là Tư lệnh).

Năm 1951, anh là người châu Âu duy nhất dự Đại hội lần thứ II của Đảng. Một tháng sau, Nguyễn Dân xin Đảng và Quân đội cho anh trở về Áo qua đường Trung Quốc, Liên Xô.

Trước khi trở về, Nguyễn Dân nhận được thư của Bác Hồ gửi, nguyên văn bằng tiếng Pháp. Sau đây là bản dịch:

Đồng chí Nguyễn Dân thân mến.

Tôi rất tiếc là không thể đến bắt tay đồng chí trước khi đồng chí ra đi. Dù ở đây hay ở nơi nào khác, tôi chắc rằng đồng chí sẽ đem hết khả năng của mình phục vụ cho sự nghiệp của chúng ta.

Hồ Chí Minh

Từ khi về Áo, E. Fray - Nguyễn Dân luôn luôn giữ tình cảm tốt đẹp với cách mạng Việt Nam.



CÁCH QUYÊN TIỀN ỦNG HỘ THƯƠNG BINH CỦA BÁC HỒ

Bảo tàng Cách mạng Việt Nam đang lưu giữ bản gốc bài báo của Bác Hồ, kể về một câu chuyện có thật xảy ra vào đầu năm 1952.

Bài báo do Bác Hồ tự đánh máy, mực đen, trên giấy poluya, có kích thước 10cm x 7cm. Ngoài những chữ đánh máy, Bác có viết thêm hoặc sửa chữa bằng bút mực tím và gạch xoá bằng bút chì đỏ.

Bài báo lấy tiêu đề: “1 nhân với 8 thành hơn 8257”.

Nội dung bài báo kể về câu chuyện Bác được bà Lê Thị Phúc ở Tuyên Quang biếu một tờ công trái “1 vạn đồng”. Sau đó Bác Hồ đã biếu tờ công trái đó cho Mặt trận Liên Việt. Rồi Mặt trận Liên Việt đem bán đấu giá để lấy tiền ủng hộ thương binh. Có 8 địa phương đã mua, số tiền thu được là 8.257.070 đồng.

Từ kết quả cụ thể đó, Bác Hồ muốn nói về ý nghĩa tinh thần của bài toán. Nó đã cổ vũ tinh thần yêu nước nồng nàn của đồng bào: Luôn luôn sẵn sàng hy sinh cho những việc đáng làm, những việc kháng chiến. Lòng yêu quý của đồng bào đối với anh em



thương binh, và lòng kính mến của đồng bào đối với Hồ Chủ tịch.

Xin giới thiệu bài báo với bạn đọc:

“1 nhân với 8 thành hơn 8257”

Các em nhi đồng không hiểu được bài tính này. Nhưng chắc bà con người lớn cũng không hiểu.

Nhưng đó là 1 bài tính thật sự. Câu chuyện là thế này:

Bà Lê Thị Phúc ở Tuyên Quang có bao nhiêu tiền xung phong mua công trái cả, đồng thời mua 1 phiếu 1 vạn đồng dâng biểu Hồ Chủ tịch.

Hồ Chủ tịch biểu lá phiếu ấy cho Liên Việt bán đấu giá lá phiếu ấy để ủng hộ thương binh. Có 8 nơi mua đấu giá.

- Đại hội Liên Việt Liên khu Việt Bắc 410.000đ.
- Đồng bào và đoàn thể Tuyên Quang 632.000đ.
- Đồng bào và đoàn thể Yên Bái 486.000đ
- Đồng bào và đoàn thể Cao Bằng 1.138.870đ.
- Đồng bào và đoàn thể Hà Tĩnh 872.200đ.
- Đồng bào và đoàn thể Thanh Hoá 2.138.000đ.
- Khu Hà Nội, ông Văn Vân 2.000.000đ.
- Nghệ An 580.000đ.

Cộng tất cả là 8.257.070đ.

Bây giờ bà con và các em hiểu rồi chứ?

Chỉ bán đấu giá 8 nơi, đã được chừng ấy. Nếu

khéo tổ chức khắp các tỉnh, thì chắc kết quả sẽ to gấp mấy. Ý nghĩa của bài tính này là:

Tinh thần nồng nàn yêu nước của đồng bào: luôn luôn sẵn sàng hy sinh cho những việc đáng làm, những việc kháng chiến.

Lòng yêu quý của đồng bào đối với anh em thương binh.

Lòng kính mến của đồng bào với Hồ Chủ tịch.

N.V.B (sưu tầm)

BÁC HỒ CHỌN TRANH IN BÁO TẾT

Ở Viện Bảo tàng Cách mạng Việt Nam hiện còn lưu giữ một tài liệu rất quý nói về sự quan tâm của Bác Hồ với Văn nghệ, báo chí, trong đó có việc làm báo Tết. Đó là bức thư của họa sĩ Tô Ngọc Vân gửi Bác xin ý kiến về việc vẽ tranh minh họa Thư chúc Tết của Người gửi nhân dân và bộ đội mùa xuân Nhâm Thìn. Bức thư đề ngày 17 tháng 1 năm 1952 có chữ ký của họa sĩ Tô Ngọc Vân và bút tích của Bác Hồ.

Thư được đánh máy trên giấy tiêu đề của cơ quan Ban Thường vụ Hội Văn nghệ Việt Nam khổ nhỏ (13x20cm). Phần trên của bức thư là những dòng chữ in sẵn: *Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Độc lập Tự do Hạnh phúc* (phía phải), *Hội Văn nghệ Việt Nam - Ban Thường vụ, số...* (phía trái). Thư có đoạn: “*Anh chị em đã thúc đẩy nhau làm việc vui vẻ trong những ngày đầu của lớp Nghiên cứu chính trị do Hội Văn nghệ Việt Nam mở cho anh em công tác văn nghệ. Chúng tôi đã thu nhận được hai mươi bức vẽ, phần lớn là của anh chị học sinh trường Mỹ thuật. Hôm nay xin kính gửi lên Bác duyệt và kính mong Bác cho nhiều lời chỉ giáo để anh chị em*

chúng tôi học tập, tiên bộ trong công tác hội họa của mình, để tích cực phục vụ nhân dân, phục vụ kháng chiến". Phần cuối thư là lời "Kính chào chuyển mạnh sang tổng phản công". Cuối cùng là chữ ký của họa sĩ Tô Ngọc Vân và dòng: Tô Ngọc Vân - Giám đốc Trường Mỹ thuật.

Bức thư trải hơn 40 xuân đã ngả màu nhưng còn tươi nguyên nét chữ của Bác Hồ kính yêu ở phía góc trái: *Nhờ chú Tô Hữu trả lời: Bác rất cảm ơn. Nhưng tiếc các bức vẽ đến chậm, không kịp thời dùng.*

Đọc bức thư của họa sĩ Tô Ngọc Vân cùng dòng chữ trả lời của Bác ghi trong thư thêm một lần thấy rõ niềm kính trọng, tin yêu của giới Văn nghệ báo chí với Bác, cùng đó là sự quan tâm lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh với văn hoá - văn nghệ. Ai cũng biết năm 1952, năm xuất hiện tài liệu quý báu này là năm đang có chiến tranh. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đang trong giai đoạn gay go, quyết liệt. Là lãnh tụ tối cao của dân tộc, của kháng chiến, là người thống lĩnh tối cao các lực lượng vũ trang đang chiến đấu, đang chuyển sang tổng phản công quân xâm lược Bác bận trăm công ngàn việc nơi chiến khu, vậy mà Người vẫn viết thư chúc Tết bộ đội, đồng bào, quan tâm đến cả những bức minh họa của báo Tết, báo Xuân.

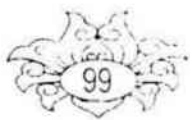
NGÔ THỊ BA



THỜI NIÊN THIẾU CỦA BÁC HỒ Ở HUẾ

Ai đã từng một lần đến Huế thăm vùng đất Cố đô xưa, thăm lăng tẩm, đền đài, cung điện triều Nguyễn chắc không quên ghé thăm các di tích thời niên thiếu của Bác Hồ ở Huế. Vào cuối thế kỷ XIX, khi còn là cậu bé đầu để chỏm trái đào, Bác Hồ đã cùng với gia đình vào sống ở Huế suốt hai thời kỳ từ năm 1895 đến 1909.

Chúng ta hãy cùng đến thăm ngôi nhà Thành nội (nay là số nhà 112 đường Mai Thúc Loan) nơi đây cậu bé Nguyễn Sinh Cung đã cùng cha mẹ và anh sống trong những năm đầu tiên vào Huế. Ngôi nhà này nằm trong khu vực Thành nội, vốn xưa kia là ngôi nhà của một trại lính, bị hoang phế sau sự kiện Kinh đô thất thủ (1885). Tại đây Người bắt đầu học những bài chữ Hán đầu tiên. Tuy mới lên 8 tuổi nhưng Nguyễn Sinh Cung rất thông minh, nhanh nhẹn, có trí nhớ khác thường. Sách Luận ngữ mỗi ngày học 4 tờ, mỗi tờ 18 dòng, mỗi dòng 10 chữ, chỉ đọc vài lần Người đã thuộc và hiểu nghĩa. Là một cậu bé hiếu động chẳng mấy khi chịu ngồi yên, Người thường cùng trẻ con trong làng ra chơi đình làng Dương Nỗ, xuống tắm ở dòng sông Phổ Lợi.



Năm 1900, cụ thân sinh mang theo người anh trai của Người ra Thanh Hoá coi thi Hương. Nguyễn Sinh Cung ở lại Thành nội với mẹ để bế ẵm người em mới sinh đang còi quặt vì mẹ mang bệnh lâu ngày mất sữa. Sống trong cảnh thiếu thốn lại mắc bệnh hiểm nghèo nên trong lúc chồng và con trai lớn đi vắng, bà Loan đã trút hơi thở cuối cùng khi trong tay đang ôm chặt đứa con quá nhỏ...

Khi nghe tin mẹ chết, Nguyễn Sinh Cung đang đi mua cháo cho mẹ vội vàng chạy về. Do luật lệ khắc nghiệt của triều đình, đám tang không được tổ chức mà phải âm thầm đưa xuống thuyền chui qua cổng Thanh Long. 11 tuổi, Nguyễn Sinh Cung đã phải trải qua những giây phút đau lòng vĩnh biệt người mẹ yêu quý của mình. Một nỗi niềm đau xót vô hạn khi Người phải đưa xác mẹ chui qua cổng Thanh Long để mang ra ngoài thành chôn cất rồi sau đó từng ngày, từng ngày Người phải thay mẹ nuôi em cho đến khi ông thân sinh trở lại Huế.

Năm 1901, cụ Nguyễn Sinh Huy đỗ Phó bảng được dân làng Kim Liên đón về làng ở cùng với các con. Cung học tiếp chữ Hán thầy Vương Thúc Quý và học tiếng Pháp ông nghề Nguyễn Viết Song. Tháng 5-1906, cụ Nguyễn Sinh Huy được triều đình Huế mời vào giữ một chức quan nhỏ ở Bộ Lễ, cụ đưa Nguyễn Sinh Cung đi cùng (lúc này Cung đổi tên là Nguyễn Tất Thành). Cuối hè năm đó Nguyễn Tất Thành xin vào lớp Nhì ở trường Pháp Việt Đông Ba. Việc xin vào



học rất khó vì Nguyễn Tất Thành không có bằng sơ học. Ông Đốc Linh, Hiệu trưởng thấy cậu là một học sinh khôi ngô thông minh biểu hiện qua vài câu đối đáp nên ông nhận cậu vào học ngay.

Năm 1907, khi học xong trường Tiểu học, Nguyễn Tất Thành thi đỗ vào trường Quốc học, một trường lớn nhất toàn xứ Trung Kỳ. Anh học giỏi cả tiếng Pháp và chữ Hán nên được thầy giáo Hoàng Thông yêu mến. Sống ở Kinh đô, một trung tâm văn hoá chính trị lớn của miền Trung, trước những bất công thối nát của chế độ thực dân phong kiến đã làm cho Nguyễn Tất Thành biết nghĩ suy và quyết đoán trước cuộc đời, trước tiên là cái nhục mất nước.

Đầu năm 1908, phong trào chống thuế toàn miền Trung ở Huế bùng lên dữ dội. Phong trào bắt đầu diễn ra từ làng Công Lương tháng 4-1908, sau đó hàng ngàn nông dân ở 6 huyện Thừa Thiên và các vùng phụ cận Huế, quần chúng nhân dân thành phố bao vây toà khâm sứ để chống đi phu, chống thuế. Nguyễn Tất Thành kêu gọi bạn bè ủng hộ cuộc đấu tranh đó. Anh đứng ra làm phiên dịch cho những người đi xin miễn sưu thuế.

Cuộc đấu tranh của đồng bào Huế cho anh nhìn thấy những đòi hỏi, những nguyện vọng chính đáng của quần chúng lao khổ. Nhưng phong trào quần chúng đứng lên chống thuế đã bị đàn áp dã man, nhiều người bị lùng bắt trong đó có Nguyễn Tất Thành. Sáng hôm sau các bạn học cứ tưởng anh

không đến lớp, nhưng anh đã xuất hiện nhanh nhẹn như thường ngày và không ngờ buổi sáng hôm đó bọn mật thám ập đến trường và tiến về phía Nguyễn Tất Thành tuyên bố: “Có lệnh của thượng cấp đến bắt tên học trò nổi loạn này ra khỏi lớp”. Nguyễn Tất Thành chấm dứt cuộc đời học sinh từ buổi sớm hôm đó.

Một thời gian sau Nguyễn Tất Thành tìm đường vào Nam và đến năm 1911 Người đã rời cảng Nhà Rồng ra đi tìm đường cứu nước. Đó là ngày 5-6-1911 để rồi 30 năm sau Người trở về với cái tên Hồ Chí Minh.

VŨ MINH NGỌC (sưu tầm)

BÁC HỒ VỚI THẦY GIÁO, CÔ GIÁO VÀ HỌC SINH TỈNH NHÀ

Với ngành giáo dục cũng như với các nhà giáo, các học sinh tỉnh nhà, Bác Hồ đã có mối quan tâm đặc biệt với những tình cảm sâu sắc.

Sau 50 năm đi xa, khi trở về thăm quê hương lần thứ nhất (6-1957), Bác dành thời gian đến thăm trại trẻ miền Nam (đặt ở Vinh). Bác đã chia kẹo cho các cháu, bế vào lòng mình từng cháu với tình cảm của người ông đối với lớp măng non của đất nước.

Cũng dịp đó, Bác đến thăm Hội nghị đại biểu nhân dân Nghệ An (14-6-1957). Tại đây trong bài nói chuyện, Bác có đề cập đến ngành giáo dục:

“Tỉnh ta có hơn 7 vạn học sinh. Thế là khá, nhưng trong đó chỉ mới có 32 học sinh gái ở cấp 3, và 865 học sinh gái ở cấp 2, thế là còn ít. Các vị cha mẹ đừng tiếc công mà giữ con gái ở nhà, không cho các cháu đi học. Tỉnh ta cũng đã có 5 vạn cháu bé học vỡ lòng. Đó là bước đầu có phát triển về văn hoá.” Tại đây, Bác đã biểu dương 2 đơn vị có phong trào bình dân học vụ tốt: Huyện Con Cuông và xã Diễn Liên (Diễn Châu).

Đến lần về thăm quê hương lần thứ hai (12-1961), Bác đến xã Vinh Thành (Yên Thành) và thăm nhà trẻ



của xã, chia kẹo cho các cháu, căn dặn các cô giữ trẻ:

“Muốn chăm sóc tốt các cháu thì trước hết ta cần có tình thương, mà các cháu thì cháu nào cũng dễ thương cả”.

Tại đây, Bác cũng căn dặn các cháu học sinh phải góp phần bảo vệ những cây mà các cụ đã trồng: “Các cụ đã có công trồng được nhiều cây, các cháu phải giúp vào việc chăm sóc cây. Khi chăn trâu bò, đừng để chúng làm gãy cây”. Rõ ràng Bác rất chú ý đến tuổi nhỏ đóng góp theo lứa tuổi của mình.

Cũng trong dịp về thăm quê lần thứ hai (1961), khi đến thăm trường Sư phạm miền núi Nghệ An (đặt tại Vinh, nay là trường Trung học sư phạm miền núi Nghệ An) Bác hỏi từng cháu về sức khỏe, về ăn uống có no không, học có phải trả tiền không? v.v... Bác hỏi thăm từng em người Tày, Mường, Thái... Bác cũng mong muốn nhà trường ba điều:

- Đoàn kết tốt
- Học tốt, dạy tốt
- Nâng cao đời sống.

Nói chuyện với cán bộ và đồng bào tỉnh nhà (9-12-1961), Bác nhấn mạnh: “Văn hoá, giáo dục có tiến bộ, tuy vậy tỉnh ta vẫn còn một số người mù chữ, phải giải quyết càng sớm càng tốt”.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, Bác rất bận rộn nhưng Người vẫn quan tâm thường xuyên đến tỉnh nhà. Ngày 12-4-1966, được tin huyện Quế Phong có



thành tích tốt về Bồ túc văn hoá, Bác đã gửi thư khen:

“Bác rất vui lòng khen ngợi đồng bào, cán bộ các dân tộc trong toàn huyện đã có cố gắng hoàn thành tốt kế hoạch 5 năm bồ túc văn hoá trước thời hạn một năm. Bác mong rằng đồng bào, cán bộ huyện nhà ra sức thi đua đạt nhiều thành tích trong tăng gia sản xuất, sẵn sàng chiến đấu, tiếp tục học tập để tiến bộ hơn nữa. Góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cứu nước của nhân dân ta”.

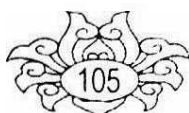
Với Kim Liên cũng vậy, ngày 1-3-1967, Bác gửi thư động viên thầy cô và học sinh xã Nam Liên:

“Bác đã nhận được thư của các cháu, Bác rất vui mừng. Các cháu học sinh đã cố gắng thi đua học tập tốt, lao động tốt, góp phần xây dựng quê hương, chống Mỹ cứu nước.

Bác hoan nghênh đồng bào, cấp uỷ Đảng, chính quyền, các thầy giáo, cô giáo xã Nam Liên đã chăm lo đến việc dạy và học, đảm bảo tốt phòng không, an toàn cho các thầy giáo, cô giáo và các cháu”.

Qua những điều vừa trình bày trên, ta thấy dù bận trăm công nghìn việc, Bác Hồ vẫn dành thời gian chăm lo đến sự nghiệp giáo dục của tỉnh nhà. Tấm lòng cao cả của Bác, tình cảm nồng hậu, ấm áp, thân thương của Người đã sưởi ấm, đã tiếp sức cho toàn ngành, cho thầy trò tỉnh nhà vượt mọi khó khăn vươn lên không ngừng.

ĐẬU DUNG và ĐOÀN MẠNH TIẾN



NHỚ LỜI BÁC DẶN...

... **Đ**ã ở tuổi ngoài 60 nhưng hễ nói đến chuyện xin nghỉ công tác, tôi lại thấy có tội với Bác Hồ.

Lời tâm sự ấy của ông Phùng Bá Khân, một trong số những đảng viên còn rất hiếm hoi ở vùng giáo thôn Lập Thạch, xã Nghi Thạch, Nghi Lộc là xuất phát từ đáy lòng mình. Bởi như ông vẫn bộc bạch với những bạn bầu tâm đắc của ông, trong đó có người viết bài này, rằng: Trong suốt chặng đường 38 năm theo Đảng, đâu phải chặng nào cũng phẳng phiu, lúc nào cũng xuôi chèo mát mái. Tuy nhiên bất cứ ở nơi nào, từ lúc còn là một thanh niên đầy nhiệt huyết đến giờ, mỗi lúc gặp khó khăn ông lại nhớ tới lần được gặp Bác Hồ và các đồng chí lãnh đạo Trung ương Đảng năm ấy...

Đó là vào dịp tháng 5-1960, sau khi vừa được kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh. Phùng Bá Khân được Đoàn thanh niên lao động xã Nghi Thạch bầu là đoàn viên tích cực lao động xã hội chủ nghĩa và được cử đi dự liên hoan thanh niên tích cực lao động xã hội chủ nghĩa ở huyện, tỉnh rồi anh lại vinh dự được bầu vào Đoàn đại biểu của thanh niên tỉnh



Nghệ An đi Đại hội đoàn viên thanh niên tích cực toàn miền Bắc.

Sáng ngày thứ ba, đại hội được thông báo chuẩn bị đón Bác Hồ tới thăm. Đại hội mới làm việc được khoảng 5 phút thì một ông già râu tóc bạc phơ bỗng xuất hiện. Có tiếng hô vang lên: Bác Hồ muôn năm! Bác Hồ muôn năm! Chúng cháu kính chúc Bác mạnh khỏe!... Khôn đứng bật dậy, quên cả trật tự, anh chen ào lên. Bác ra hiệu cho tất cả về vị trí, ngồi xuống rồi nói rất ngắn gọn. Cuối cùng Bác dặn, đại ý: Thanh niên là rường cột của nước nhà, không có việc gì khó chỉ sợ lòng không bền. Bác dặn tiếp: “Đất nước còn tạm phải chia đôi, cả nước ta còn phải tiếp tục đánh giặc. Đánh giặc mọi người cùng phải ra tay nhưng thanh niên phải là lực lượng xung kích. Gian khổ ác liệt lắm, vì kẻ thù của chúng ta rất nham hiểm nhưng thắng lợi ắt về ta. Muốn thắng lợi phải đoàn kết lại, các cháu nhớ chưa?”. Nói rồi Bác đưa tay bắt nhịp hát bài *Kết đoàn*. Trong lúc anh em đang say sưa hát, Bác đã ra hành lang. Cứ tưởng Bác đã về, không ngờ Bác lại cho gọi một số đại biểu trong đó có Khôn để Bác gặp riêng. Mừng và xúc động quá. Khôn run lên, nhưng khi đã đứng bên Bác anh thấy âm áp vô cùng. Bác nhìn Khôn một chặp rồi nói vui: “Con trai quê choa đã đẹp mà lại giỏi, phải gắng lên nữa. Bác nghe nói cháu theo đạo Thiên chúa, như vậy mỗi tuần cháu có đến nhà thờ đều đặn không? Kính Chúa thì phải yêu nước. Yêu nước thì

phải vượt lên mọi khó khăn gian khổ mà lo tròn việc nước, việc dân giao. Đừng để một khó khăn nào làm nhụt chí, làm nản lòng mình nghe các cháu... ”.

Một phóng viên nào đó vừa bấm máy cuộc gặp gỡ chớp nhoáng giữa Bác với một số đại biểu xong, Khân chưa kịp quay lại thì Bác đã đi. Mọi người bảo việc nước, Bác còn bận bịu trăm thứ.

Về đến địa phương, Khân vào việc ngay. Anh được giao là thư ký hợp tác xã nông nghiệp. Thời gian này ở quê có dịch cúm - không may cùng một lúc chủ nhiệm Hồng và xóm trưởng Miên đều chết do biến chứng. Kẻ xấu tung tin cholar là bị trời phạt, Chi bộ họp bàn lãnh đạo và đề nghị Khân làm chủ nhiệm. Thực tình Khân cũng sợ lắm. Anh xin hai đồng chí đảng viên cũ là Lài và Đóm để được trao đổi với vợ cho thuận tình. Vợ anh nghe đồn sợ quá, một mực không chịu. Nhớ lời Bác dặn, khó khăn không được lùi, Khân tiếp tục thuyết phục vợ. Rồi chị cũng nguôi ngoai, vui lòng để anh lo việc xã, việc xóm. Anh lại lao vào công việc trong sự động viên của cả Đảng bộ. Hai vụ liên thắng lợi, hợp tác xã xóm Bắc phần khởi xông lên kéo theo ba xóm khác trong thôn theo đạo Thiên chúa cũng xây dựng hợp tác.

Ở thời điểm này, địch đánh phá mạnh, cán bộ lương thực thiếu nhiều. Khân lại được điều đi làm cán bộ ở Phòng lương thực Nghi Lộc để tham gia quy động lương thực phục vụ chiến trường. Bất cứ



ngày hay đêm, dù ở trọng điểm đánh phá nào, ở đâu cần thu gom hay giải toả lương thực là Khân có mặt ngay. Quán Hành, Cầu Phương Tích, kênh Nhà Lẻ, Cửa Lò, Cửa Hội, chợ Sơn, không có xe đạp thì cuốc bộ, chưa lúc nào Khân từ chối mệnh lệnh. 4 năm liền, năm nào anh cũng được Ty Lương thực Nghệ An cấp bằng khen. Anh cũng đã được công nhận là dũng sĩ diệt Mỹ.

Xã thiếu nòng cốt để xây dựng phong trào, lại làm công văn xin Khân về. Trở lại quê có người không ngần ngại cho rằng Khân đại, tội gì “ăn cơm nhà, vác tù và hàng tổng”, Khân chỉ cười, anh lao ngay vào công việc và sẵn sàng nhận bất cứ việc gì Đảng uỷ, Uỷ ban giao. Trên một địa bàn trình độ nhận thức của bà con còn có hạn, việc tiếp cận, vận động để cho mọi người cùng làm đâu có giản đơn. Ngày hai buổi ăn cơm nhà, mang xà cọt đi hết xóm này lại sang xóm khác, cũng có lúc kẻ xấu đe dọa, nguy hiểm đó nhưng anh vẫn không ngần ngại. Làm tổ trưởng an ninh xã đến năm 1984, Khân được giao kiêm công tác bưu tá. Nhận rồi chuyển công văn, giấy mời, giấy triệu tập thư tín... đến từng nhà trên một địa bàn rộng, công việc không ít gian nan. Vẫn chỉ một chiếc xe đạp cũ, 14 năm liên tục Phùng Bá Khân chưa một lần bị cơ quan khiển trách. Còn bà con cả xã thì đã thực sự coi anh là người mang niềm vui đến cho mọi nhà. Cũng chưa năm nào anh không được tỉnh, huyện tặng bằng khen, giấy khen. Bây giờ đã ở tuổi ngoài 60, cũng đã

có 13 cháu gọi bằng ông rồi, nhưng quê hương còn yêu cầu, bà con vẫn thương nhớ nhắc ông, ông vẫn say sưa làm việc cho dù 80 ngàn đồng phụ cấp ấy, từng tiem lăm cũng chỉ mới đủ suất gạo và ăm nước chè xanh mỗi ngày. Ai đó chuyện trò có gợi lên đôi điều hưởng thụ, ông lại vui vẻ nói: “Mình có may mắn đã được gặp Bác Hồ, được Bác căn dặn trực tiếp. Suốt đời nhớ lời Bác dặn, học Bác làm theo Bác nhưng nào đã trọn vẹn. Tuy nhiên sẽ cố gắng cho tâm linh thật sự thanh thản để khi được về với Bác có thêm những niềm vui”.

BÁ ĐÀN

XUẤT XỨ BÀI THƠ *THĂM LẠI PÁC BÓ*

Ngày 19-02-1961, sau mấy ngày Tết Nguyên đán Tân Sửu, Bác Hồ trở lại thăm Cao Bằng, nơi 20 năm trước, Người đã vượt biên giới Việt - Trung về Pác Bó, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng (29-1-1941). Tuy vừa đi xe ô tô một đoạn đường dài Quốc lộ số 4 gập ghềnh, khúc khuỷu, từ Lạng Sơn lên, người mệt mỏi, sáng ngày 20-02-1961, Bác Hồ đã tranh thủ đi thăm Pác Bó. Thuở ấy, từ ngã ba Đôn Chương vào Pác Bó chưa có đường ô tô như ngày nay, chỉ có đường mòn cách xa 8 cây số, trời lại vừa mới mưa phùn nên đường lầy trơn rất khó đi. Để đảm bảo an toàn cho Bác, các đồng chí lãnh đạo tỉnh đã chuẩn bị sẵn và đề nghị Bác đi ngựa - Bác chấp thuận. Hai chiến sĩ biên phòng lo Bác ngồi trên lưng ngựa không vững bèn chạy theo hai bên để đỡ Bác. Bác gặt đi:

- Các chú khỏi lo. Suốt 9 năm kháng chiến chống Pháp, Bác làm gì có xe ô tô để đi. Nếu đi công tác chặng đường gần thì đi bộ, chặng đường xa mới có ngựa cưỡi. Bác cưỡi ngựa thạo rồi.

Vào đến bản Pác Bó, Bác và các đồng chí cùng đi vào thẳng hang Cốc Bó rồi mới quay ra tổ chức



gặp gỡ bà con dân bản. Từ bản Pác Bó vào khu vực hang Cốc Bó, ngựa không sao đi nổi, Bác phải chống gậy đi bộ. Năm ấy Bác đã sang tuổi 71, sức khoẻ đã giảm nhiều, lại thêm phần xúc động khi trở lại thăm chốn xưa, nên đến đầu nguồn suối Lenin, các đồng chí lãnh đạo tỉnh đề nghị Bác không leo núi dốc để thăm lại hang Cốc Bó nữa. Ngược nhìn lên phía hang nằm ở lưng chừng núi, Bác bùi ngùi nói:

- Thôi! Đành vậy. Nhờ các chú lên thăm hang giúp Bác. Xem nhũ đá Bác tạc tượng ông Các Mác, dưới chân ông Mác có tượng vượn người, và trên vách hang, Bác có viết dòng chữ nho bằng than củi “*Ngày mồng tám, tháng hai, năm một nghìn chín trăm bốn mươi một*” là ngày Bác vào ở hang có còn giữ được không?

Trong khi chờ đợi đoàn người lên thăm hang, Bác thông dong đi thăm lại những phiến đá Bác kê thay bàn ghế để ngồi làm việc, thăm gốc cây ổi thường ngày Bác vẫn hái lá đun uống thay chè, trước đây chỉ với tay tầm ngang đầu là hái được từng nắm lá, nay đã trở thành một cây ổi cổ thụ vươn cao hàng chục mét, gốc đã tróc vỏ trơ lõi sần sùi, thăm phiến đá nhẵn bóng dưới gốc cây si già khi thư giãn Bác thường ngồi câu cá bên bờ suối... gợi nhớ biết bao kỷ niệm của một thời hoạt động bí mật gian truân.

Từ trên hang xuống, đồng chí Lê Quảng Ba - người từng dẫn đường cho Bác từ Trung Quốc vượt

biên giới về Pác Bó và đã được sống gần với Bác suốt thời gian ở Pác Bó, năm ấy là Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc trung ương - thưa với Bác:

- Thưa Bác, đường lên hang trơn trượt, cỏ mọc đôi đoạn phủ cả lối đi. Còn trong hang, tượng ông Mác, tượng vượn người, dòng chữ nho Bác viết trên vách hang đều còn nguyên vẹn. Duy chỉ có mấy tấm phản kê làm giường cho Bác nằm thì đã mục nát cả.

Bác xúc động nói:

- Bà con Pác Bó tốt quá. Trước đây, nếu không được bà con đùm bọc, cứu mang thì làm sao Bác sống qua được những ngày cách mạng còn đen tối. Nay đã hai chục năm qua đi, lại vẫn gìn giữ, bảo vệ cả cái hang Bác ở. Hôm nay, Bác rất vui. Bây giờ còn ít phút, Bác và các chú ta cùng làm niết bài thơ. Chủ đề là tức cảnh thăm lại hang Cốc Bó, thể thơ thất ngôn tứ tuyệt. Các chú có đồng ý không?

Mọi người vỗ tay hưởng ứng, Bác liền chỉ ngay đồng chí Hồng Kỳ - lúc ấy là Bí thư Tỉnh ủy Cao Bằng:

- Chú là bí thư, chú xướng câu mở đầu.

Đồng chí Hồng Kỳ lắc đầu, gãi tai, cười trừ:

- Thưa Bác, cháu là bí thư nhưng lại rất bí thơ. Cháu không biết làm thơ đâu ạ!

Bác phê bình khéo:

- Đáng lẽ chú là bí thư thì phải giỏi làm thơ

mới đúng. Thơ cũng là vũ khí cách mạng. Có khi cán bộ nói cả buổi mà quần chúng vẫn nghe không ra, nhưng chỉ đọc mấy vần thơ thì ai cũng hiểu. Thôi được, tha cho chú. Vậy Bác chỉ định người khác vậy.

Bác nhìn quanh rồi chỉ vào đồng chí Tô Hữu:

- Vậy thì chú Lành vậy. Chú là nhà thơ Tô Hữu mà.

Đồng chí Tô Hữu cũng lắc đầu cười:

- Dạ, ở đây Bác là người có tuổi hơn cả. Xin kính lão đắc thọ, mời Bác khai thơ trước ạ!

Bác cười to:

- Các chú khôn thật, định dòn Bác vào chân tường đấy phỏng? Được, Bác sẽ khai thơ vậy.

Suy nghĩ giây lát, Bác đọc hai câu mở bài:

Hai mươi năm trước ở hang này

Đảng vạch con đường đánh Nhật, Tây

Đây, Bác đã mở đến nửa phần bài thơ. Bây giờ đến lượt các chú làm hai câu cuối.

Mọi người vỗ tay hoan hô. Rồi mỗi người thêm một ý, góp một ý, góp một câu, cuối cùng Bác kết luận:

“Lãnh đạo toàn dân ra chiến đấu

Non sông gấm vóc có ngày nay”

Thế là bài thơ hoàn thành. Thực ra bài thơ là không đề, về sau này Nhà xuất bản mới đặt cho bài thơ là *Thăm lại Pác Bó*. Vừa lúc ấy, có người từ ngoài



bản Pác Bó chạy vào báo với đồng chí Lê Quảng Ba và đồng chí Hồng Kỳ:

- Báo cáo đồng chí, hiện nay bà con dân xã và dân các xã bạn đã tập hợp ở trước bản Pác Bó đông đủ cả rồi, mời Ông Cụ và đoàn đại biểu cấp trên ra nói chuyện với bà con.

Đồng chí Lê Quảng Ba thưa lại với Bác, Bác liền đứng dậy cùng đoàn người quay ra bản Pác Bó.

Ngày nay nhờ sử sách ghi chép giới thiệu mà nhân dân cả nước ta, cùng nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới đã biết khá rõ những hoạt động của Bác Hồ ở Pác Bó. Và những lời lẽ trong bài thơ *Thăm lại Pác Bó* thật giản dị, vừa biểu lộ tình cảm sâu sắc của Người đối với chốn này, vừa nói lên khí phách chủ nghĩa anh hùng cách mạng của dân tộc.

LÂM NGỌC THỤ (dân tộc Tày)